

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 4, 5 và khoản 10 Điều 3 như sau:

“2. Hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế, trong đó:

a) Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua.

Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử bao gồm số giao dịch là một dãy số duy nhất do hệ thống của cơ quan thuế tạo ra và một chuỗi ký tự được cơ quan thuế mã hóa dựa trên thông tin của người bán lập trên hóa đơn. **Bộ Tài chính quy định dài ký tự để xác định mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.**

b) Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử do tổ chức bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế.

c) **Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền là hóa đơn có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập từ hệ thống tính tiền và được chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế theo định dạng chuẩn bằng phương thức điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.**

d) **Máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế là thiết bị điện tử đồng bộ hay một hệ thống nhiều thiết bị điện tử được kết hợp với nhau bằng giải pháp công nghệ thông tin có chức năng chung như: tính tiền, lưu trữ các thao tác bán hàng, số liệu bán hàng, khởi tạo hóa đơn điện tử có dài ký tự mã của cơ quan thuế đậm bao duy nhất hoặc mã vạch 2 chiều (QR code) và chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế theo định dạng chuẩn bằng phương thức điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.”**

“4. Chứng từ là tài liệu dùng để ghi nhận thông tin về các khoản thuế khấu trừ, các khoản thu thuế, phí và lệ phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật quản lý thuế; **ghi nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược.** Chứng từ theo quy định tại Nghị định này bao gồm chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai thuế, phí, lệ phí được thể hiện theo hình thức điện tử hoặc đặt in, tự in, **chứng từ theo dõi, quản lý giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược.**

5. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai theo khoản 4 Điều này được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế hoặc do tổ chức thu thuế, phí, lệ phí cấp cho người nộp bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật phí, lệ phí,

Chữ in thường là quy định hiện hành:

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

pháp luật thuế **hoặc do người nộp thuế có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược gửi về cơ quan thuế.”**

“10. Hủy hóa đơn, chứng từ **điện tử** là làm cho hóa đơn, chứng từ đó không có giá trị sử dụng **nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.**”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1, 2, 3 như sau:

“1. Người bán phải lập hóa đơn trong các trường hợp sau:

a) Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

b) Khi tạm xuất tái nhập, tạm nhập tái xuất nguyên vật liệu, thành phẩm, máy móc, công cụ, dụng cụ;

c) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu;

d) Hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả lương thay cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ);

d) Nhận lại hàng hóa người mua trả lại (trừ trường hợp nhận lại hàng hóa theo quy định tại điểm d3, khoản 6 Điều 19 Nghị định này);

e) Chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ;

g) Xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc nhận hoàn trả hàng hóa.

Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Khi khâu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khâu trừ thuế, tổ chức thu phí, lệ phí, tổ chức thu thuế phải lập chứng từ khâu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí giao cho người có thu nhập bị khâu trừ thuế, người nộp thuế, nộp phí, lệ phí và phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng **biên lai chứng từ** điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khâu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khâu trừ thuế cho mỗi lần khâu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khâu trừ cho nhiều lần khâu trừ thuế trong một kỳ tính thuế. Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khâu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bô sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

3. Trước khi sử dụng hóa đơn, ~~biên lai, chứng từ~~ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, **tổ chức, cá nhân trả thu nhập, tổ chức có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng** phải thực hiện đăng ký sử dụng với cơ quan thuế hoặc thực hiện thông báo phát hành theo quy định tại Điều 15, Điều 34 và khoản 1 Điều 36, **Điều...** Nghị định này. Đối với hóa đơn, biên lai do cơ quan thuế đặt in, cơ quan thuế thực hiện thông báo phát hành theo khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 36 Nghị định này.”

b) **Bổ sung các khoản 9, 10, 11 như sau:**

“9. Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ cùng thực hiện thu phí, lệ phí và tiền cung cấp dịch vụ của một khách hàng thì được tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua. Chứng từ điện tử tích hợp phải đảm bảo có đủ nội dung của hóa đơn điện tử, biên lai điện tử và theo đúng định dạng do cơ quan thuế quy định. Tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận về đơn vị chịu trách nhiệm xuất chứng từ điện tử tích hợp cho khách hàng và phải thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc kê khai phí, lệ phí và kê khai doanh thu của tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

10. Khi phát sinh giao dịch liên quan đến tiền mặt, đồng tiền quy ước, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải lập chứng từ ghi nhận giao dịch phát sinh. Chứng từ giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược trong ngày phải được theo dõi bằng phần mềm và dữ liệu điện tử phải được chuyển đến cơ quan thuế đầy đủ, kịp thời và chậm nhất là cuối mỗi ngày. Người nộp thuế xác định mỗi ngày là 24 giờ và đăng ký với cơ quan thuế.

11. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có đầy đủ thông tin định danh người mua thì được tham gia dự thưởng chương trình “Hóa đơn may mắn” do ngành Thuế tổ chức thực hiện từ nguồn ngân sách cấp cho cơ quan quản lý thuế. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thể lệ, cơ cấu giải thưởng, chi, mức chi quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí Chương trình hóa đơn may mắn và công tác tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan

a) Thực hiện hành vi gian dối như sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn;

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ

b) Cản trở công chức thuế thi hành công vụ, cụ thể các hành vi cản trở gây tổn hại sức khỏe, nhân phẩm của công chức thuế khi đang thanh tra, kiểm tra về hóa đơn, chứng từ;

c) Truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ;

d) Đưa hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác liên quan hóa đơn, chứng từ nhằm mưu lợi bất chính.

d) Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 8 như sau:

"Điều 8. Loại hóa đơn

...

2. Hóa đơn bán hàng là hóa đơn dành cho các tổ chức, cá nhân như sau:

...

b) Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan,

Trường hợp tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan có hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động chế xuất thì sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 hoặc điểm a khoản 2 Điều này tùy theo phương pháp tính thuế mà doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

"1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyền giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. ***Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.***

"2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (***bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài***) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“a) Đối với các trường hợp cung cấp **hàng hóa**, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp **bán hàng hóa**, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này), **chứng khoán, bảo hiểm, sổ điện toán** và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được bán theo kỳ nhất định, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

b) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin) phải thực hiện đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối.

c) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

d) Đối với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng:

d.1) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.

d.2) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

d) Thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp tổ chức kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế chậm nhất không quá 05 ngày kể tiếp kể từ ngày chứng từ dịch vụ vận tải hàng không xuất ra trên hệ thống website và hệ thống thương mại điện tử.

e) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô: Thời điểm lập hóa đơn bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô (bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết của Chính phủ) **của cơ sở kinh doanh có hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô là trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày thời điểm** bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyên bằng đường ống dẫn khí đến người mua, **thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khởi lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế không quá 07 ngày kể tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng.**

Trường hợp thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ có quy định khác về thời điểm lập hóa đơn thì thực hiện theo quy định tại thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ.

g) ~~Đối với cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, kinh doanh dịch vụ ăn uống theo mô hình hệ thống cửa hàng bán trực tiếp đến người tiêu dùng nhưng việc hạch toán toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại trụ sở chính (trụ sở chính trực tiếp ký hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ từng cửa hàng xuất cho khách hàng xuất qua hệ thống máy tính tiền của từng cửa hàng đứng tên trụ sở chính), hệ thống máy tính tiền kết nối với máy tính chưa đáp ứng điều kiện kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế, từng giao dịch bán hàng hóa, cung cấp đồ ăn uống có in Phiếu tính tiền cho khách hàng, dữ liệu Phiếu tính tiền có lưu trên hệ thống và khách hàng không có nhu cầu nhận hóa đơn điện tử thì cuối ngày cơ sở kinh doanh căn cứ thông tin từ Phiếu tính tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp đồ ăn uống trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở kinh doanh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.~~

h) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện thì thời điểm lập hóa đơn điện tử được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng

Chữ in thường là quy định hiện hành;
Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;
Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán thì thời điểm lập hóa đơn điện tử căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua điện và bên bán điện.

i) Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ cho khách hàng là thời điểm kết thúc việc bán xăng dầu theo từng lần bán. Người bán phải đảm bảo lưu trữ đầy đủ hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đảm bảo có thể tra cứu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

k) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

l) Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trả lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh) nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày hoặc cuối tháng đơn vị thực hiện xuất hóa đơn tổng căn cứ thông tin chi tiết từng giao dịch phát sinh trong ngày, trong tháng tại hệ thống quản lý dữ liệu của đơn vị. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin giao dịch và cung cấp bằng tổng hợp chi tiết dịch vụ cung cấp khi cơ quan chức năng yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải lập hóa đơn giao cho khách hàng.

m) Đối với kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền theo quy định của pháp luật:

- Tại thời điểm kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện ***lập hóa đơn điện tử theo quy định và gửi dữ liệu về cơ quan thuế.*** ~~gửi các thông tin của chuyến đi cho khách hàng và gửi về cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu của cơ quan thuế.~~ Các thông tin ***trên hóa đơn*** gồm: tên đơn vị kinh doanh vận tải, biển kiểm soát xe, cự ly chuyến đi (tính theo km) và tổng số tiền hành khách phải trả.

~~Trường hợp khách hàng lấy hóa đơn điện tử thì khách hàng cập nhật hoặc gửi các thông tin đầy đủ (tên, địa chỉ, mã số thuế) vào phần mềm hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ. Căn cứ thông tin khách hàng gửi hoặc cập nhật, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện gửi hóa đơn của chuyến đi cho khách hàng, đồng thời~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

~~chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.~~

n) Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và quản lý viện phí, từng giao dịch khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền (thu viện phí hoặc tiền khám, xét nghiệm) và có lưu trên hệ thống công nghệ thông tin, nếu khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở y tế căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở y tế lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.

Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh để thanh toán kinh phí khám chữa bệnh từ Bảo hiểm xã hội thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm quyết toán kinh phí khám chữa bệnh theo tháng.

o) Đối với hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng ngày lập hóa đơn điện tử là ngày xe lưu thông qua trạm thu phí. Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức điện tử không dừng có một hoặc nhiều phương tiện cùng sử dụng dịch vụ nhiều lần trong tháng, đơn vị cung cấp dịch vụ có thể lập hóa đơn điện tử theo định kỳ, ngày lập hóa đơn điện tử chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh dịch vụ thu phí. Nội dung hóa đơn liệt kê chi tiết từng lượt xe lưu thông qua các trạm thu phí (bao gồm: thời gian xe qua trạm, giá phí sử dụng đường bộ của từng lượt xe).

Thời điểm lập hóa đơn điện tử giữa tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

p) Đối với hoạt động cấp tín dụng, thời điểm lập hóa là thời điểm thực thu tiền lãi từ khách hàng.

Đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng ngày lập hóa đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa hai bên kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ.

q) Phương án I: Đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thì hàng ngày sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu hết và

Chữ in thường là quy định hiện hành:

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

chậm nhất là trước khi mở thưởng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập một (01) hóa đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế (hóa đơn không ghi tên khách hàng) cho vé xổ số được bán trong ngày gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.

Phương án 2: không bô sung điểm này (Doanh nghiệp xổ số lập hóa đơn khi giao xổ số cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đại lý. Trường hợp có số lượng vé xổ số thu hồi cuối ngày thì lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định).

r) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm cuối ngày, trường hợp trong ngày số tiền thu được từ đổi đồng tiền quy ước nhỏ hơn số tiền đổi trả lại người chơi thì:

Phương án 1: Không xuất hóa đơn, chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi được bù trừ cho việc xác định doanh thu tính thuế và xuất hóa đơn cho các ngày tiếp theo.

Phương án 2: Xuất hóa đơn âm số chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Số hóa đơn

a) Số hóa đơn là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi người bán lập hóa đơn. Số hóa đơn được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Hóa đơn được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu hóa đơn và ký hiệu mẫu số hóa đơn. Riêng đối với hóa đơn do cơ quan thuế đặt in thì số hóa đơn được in sẵn trên hóa đơn và người mua hóa đơn được sử dụng đến hết kể từ khi mua.

Trường hợp tổ chức kinh doanh có nhiều cơ sở bán hàng hoặc nhiều cơ sở được đồng thời cùng sử dụng một loại hóa đơn điện tử có cùng ký hiệu theo phương thức truy xuất ngẫu nhiên từ một hệ thống lập hóa đơn điện tử thì hóa đơn được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn.

b) Trường hợp số hóa đơn không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất **trong cùng một ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn** và tối đa 8 chữ số.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bô sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

b. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tên, địa chỉ, mã số thuế, **mã số định danh** của người mua

a) Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh có mã số thuế thì tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp tên, địa chỉ người mua quá dài, trên hóa đơn người bán được viết ngắn gọn một số danh từ thông dụng như: "Phường" thành "P"; "Quận" thành "Q", "Thành phố" thành "TP", "Việt Nam" thành "VN" hoặc "Cô phần" là "CP", "Trách nhiệm Hữu hạn" thành "TNHH", "khu công nghiệp" thành "KCN", "sản xuất" thành "SX", "Chi nhánh" thành "CN"... nhưng phải đảm bảo đầy đủ số nhà, tên đường phố, phường, xã, quận, huyện, thành phố, xác định được chính xác tên, địa chỉ doanh nghiệp và phù hợp với đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế của doanh nghiệp.

b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua; **trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện mã số định danh của người mua**. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại khoản 14 Điều này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin về địa chỉ người mua có thể được thay bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng nước ngoài.”

c. Sửa đổi điểm a, c, d, đ khoản 6 như sau:

“a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ

- Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ bằng tiếng Việt. Trường hợp bán hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau thì tên hàng hóa thể hiện chi tiết đến từng chủng loại (ví dụ: điện thoại Samsung, điện thoại Nokia...). Trường hợp hàng hóa phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu thì trên hóa đơn phải thể hiện các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của hàng hóa mà khi đăng ký pháp luật có yêu cầu. Ví dụ: Số khung, số máy của ô tô, mô tô, địa chỉ, cấp nhà, chiều dài, chiều rộng, số tầng của một ngôi nhà... **Trường hợp kinh doanh vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến), cự li chuyển di tính theo km.**

Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

nhỏ hơn chữ tiếng Việt. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ được giao dịch có quy định về mã hàng hóa, dịch vụ thì trên hóa đơn phải ghi cả tên và mã hàng hóa, dịch vụ.

- Đơn vị tính: Người bán căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa để xác định tên đơn vị tính của hàng hóa thể hiện trên hóa đơn theo đơn vị tính là đơn vị đo lường (ví dụ như: tấn, tạ, yến, kg, g, mg hoặc lượng, lạng, cái, con, chiếc, hộp, can, thùng, bao, gói, tuýp, m³, m², m...). Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp.

- Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Á-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. **Trường hợp cung cấp** các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyên phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được lập theo kỳ nhất định **và các dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán** được sử dụng bảng kê ~~để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán~~ kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.

Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số ngày... tháng... năm

- Đơn giá hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi đơn giá hàng hóa, dịch vụ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp các hàng hóa, dịch vụ sử dụng bảng kê để liệt kê các hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn giá.”.

“c) Thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo chữ số Á-rập, trừ trường hợp bán hàng thu ngoại tệ không phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam thì thể hiện theo nguyên ngoại tệ.”

d) Tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo chữ số Á-rập và bằng chữ tiếng Việt, trừ trường hợp bán hàng thu ngoại tệ không phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam thì tổng số tiền thanh toán thể hiện bằng nguyên ngoại tệ và bằng chữ tiếng nước ngoài.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

d. Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. *Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Việc xác định giá tính thuế GTGT (thành tiền chưa có thuế GTGT) trong trường hợp áp dụng chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại thực hiện theo quy định của pháp luật thuế GTGT.”*

d. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng *giờ, ngày, tháng, năm* của năm dương lịch. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì *thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để khai thuế đối với người bán là thời điểm lập hóa đơn, thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.*”

d. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 13 như sau:

“c) Đồng tiền ghi trên hóa đơn là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”.

- Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì đơn giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, đơn vị tiền tệ ghi tên ngoại tệ. Người bán đồng thời thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam ~~theo tỷ giá theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi người bán mở tài khoản, riêng trường hợp dầu thô và khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam được xác định giá ghi trên hợp đồng mua bán bằng đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp với thông lệ quốc tế và hợp đồng dầu khí thì chỉ tiêu đơn giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, đơn vị tiền tệ ghi tên ngoại tệ. Người bán đồng thời ghi trên hóa đơn tỷ giá quy đổi ngoại tệ với~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

đồng Việt Nam là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Mã ký hiệu ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: 13.800,25 USD - Mười ba nghìn tám trăm đô la Mỹ và hai mươi nhăm xu, ví dụ: 5.000,50 EUR- Năm nghìn sáu rưỡi và năm mươi xu).

- Trường hợp bán hàng hóa phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối và được nộp thuế bằng ngoại tệ thì tổng số tiền thanh toán thể hiện trên hóa đơn theo ngoại tệ, không phải quy đổi ra đồng Việt Nam."

e. Sửa đổi điểm c, d và bổ sung điểm l khoản 14 như sau:

"c) ~~Đối với hóa đơn điện tử bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua.~~

Đối với hóa đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chi tiêu tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng.

~~d) Đối với hóa đơn điện tử là tem, vé, thẻ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có chữ ký số của người bán (trừ trường hợp tem, vé, thẻ là hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp mã), tiêu thức người mua (tên, địa chỉ, mã số thuế), tiền thuế, thuế suất thuế giá trị gia tăng. Trường hợp tem, vé, thẻ điện tử có sẵn mệnh giá thì không nhất thiết phải có tiêu thức đơn vị tính, số lượng, đơn giá."~~

"l) ~~Đối với hóa đơn do người nộp thuế lập cho hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua."~~

g. Bổ sung khoản 17 như sau:

"17. Hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế gồm 3 phần như sau:

a) *Phần A: Do doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT lập. Nội dung thông tin phần này thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản ... Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.*

b) *Phần B: Do cơ quan hải quan lập. Nội dung thông tin phần gồm: tên mặt hàng được hoàn thuế, số lượng, số thuế GTGT người nước ngoài được hoàn, chữ ký số của công chức hải quan kiểm tra.*

c) *Phần C: Do Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế lập. Nội dung thông tin phần này gồm: thông tin chuyến bay hoặc chuyến tàu của người*

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bù.

nước ngoài xuất cảnh, số tiền thuế GTGT đã hoàn trả cho người nước ngoài xuất cảnh, hình thức hoàn trả, chữ ký số của Ngân hàng hoàn trả.

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện khoản này."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

1. Doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng; ăn uống; nhà hàng; khách sạn; bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ gas; kinh doanh vàng bạc, dịch vụ vui chơi, giải trí, dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ vận tải hành khách - theo mã ngành nghề: G45, G47, H49, H52, H53, I, N77, N79, R, S95, S96 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Đối với các hoạt động kinh doanh đã đăng ký sử dụng tem, vé, thẻ theo hình thức hóa đơn giá trị tăng điện tử, hóa đơn bán hàng điện tử được chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

1. 2. Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;

b) Không bắt buộc có chữ ký số;

c) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

3. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán;

b) Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu (mã số định danh cá nhân hoặc mã số thuế);

c) Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

giá bán chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán có thuế GTGT;

d) Thời điểm lập hóa đơn;

d) Mã của cơ quan thuế hoặc mã vạch 2 chiều (QR code) để người mua có thể truy xuất thông tin về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định.

4. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đã lập sai thì người bán thông báo cho người mua và thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử đã lập sai. Người bán lập hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập sai trên hệ thống của cơ quan thuế.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung trong quá trình triển khai áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo đúng quy định tại Nghị định này và phù hợp thực tế phát sinh."

8. Sửa đổi bổ sung Điều 13 như sau:

a. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, riêng trường hợp rủi ro cao về thuế thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đối với doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có ngành nghề quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, các hoạt động kinh doanh khác không thuộc nhóm ngành nghề nêu trên và doanh nghiệp không thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế cho toàn bộ hoạt động kinh doanh."

b. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 như sau:

"2. Quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau:

a) Loại hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh

a.1) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng trong các trường hợp:

- Hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng;

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

- Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

- Doanh nghiệp, ***hộ kinh doanh*** sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thuộc các trường hợp sau:

+ Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;

+ Tạm ngưng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngưng kinh doanh;

+ Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

+ ***Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án.***

a.2) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng trong các trường hợp:

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuộc các trường hợp sau:

+ Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;

+ Tạm ngưng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngưng kinh doanh;

+ Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

+ ***Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án.***

+ ***Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.***

- Tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua.

- Doanh nghiệp chế xuất bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan.

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế và truy cập vào hệ thống lập hóa đơn điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn điện tử.

Sau khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), ngay trong ngày làm việc **hoặc không quá 24 giờ kể từ khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nộp thuế đầy đủ** cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã. *Trường hợp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh có sai sót, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập. Việc lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.*

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn có nhu cầu cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập thì phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu chênh lệch tăng trên hóa đơn được sử dụng vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập."

c. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

c.1) Sửa đổi điểm c, g như sau:

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

“c) Cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn ~~giá trị gia tăng~~ điện tử.

Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn ~~giá trị gia tăng~~ cho hàng hóa xuất khẩu.”

“g) Trường hợp điều chuyển tài sản **từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và ngược lại**, giữa các thành viên hạch toán phụ thuộc trong tổ chức; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì tổ chức có tài sản điều chuyển phải có lệnh điều chuyển tài sản, kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản và không phải lập hóa đơn.”

c.2) **Bổ sung các điểm i, k như sau:**

“i) **Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải lập hóa đơn theo quy định.**

Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải có hóa đơn GTGT (đối với tài sản mua trong nước) hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với tài sản nhập khẩu); tổng số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT phải khớp với số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT (hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu).

Các trường hợp tài sản mua để cho thuê không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, không có hóa đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu thì không được ghi thuế GTGT trên hóa đơn.

Việc lập hóa đơn như sau:

- **Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính chuyển giao toàn bộ số thuế GTGT ghi trên hóa đơn tài sản mua cho thuê tài chính cho bên đi thuê tài chính được kê khai khẩu trừ một lần thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính lập hóa đơn cho bên đi thuê để làm căn cứ khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:**

Trên hóa đơn GTGT thu tiền lần đầu của dịch vụ cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính ghi rõ: thanh toán dịch vụ cho thuê tài chính và thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, dòng tiền hàng ghi giá trị dịch vụ cho thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT của tài sản), dòng thuế suất không ghi và gạch chéo, dòng tiền thuế GTGT ghi đúng số thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính.

- **Xử lý lập hóa đơn khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn:**

Chữ in thường là quy định hiện hành;
Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;
Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

+ *Thu hồi tài sản cho thuê tài chính: Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính và bên đi thuê lựa chọn khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT của tài sản cho thuê, bên đi thuê điều chỉnh thuế GTGT đã khấu trừ tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản để chuyển giao cho tổ chức cho thuê tài chính. Trên hóa đơn GTGT ghi rõ: xuất trả tiền thuế GTGT của tài sản thu hồi; dòng tiền hàng, dòng thuế suất không ghi và gạch bỏ; dòng tiền thuế ghi số tiền thuế GTGT tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản.*

+ *Bán tài sản thu hồi: Tổ chức cho thuê tài chính khi bán tài sản thu hồi phải lập hóa đơn GTGT theo quy định giao cho khách hàng.”*

k) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- *Trường hợp tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh đăng ký với cơ quan thuế sử dụng hóa đơn điện tử thì lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.*

- *Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ hoặc bằng sản phẩm thì từng bên tham gia hợp tác kinh doanh lập hóa đơn theo quy định.”*

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

1. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ bao gồm:

a) *Cơ quan thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán tem điện tử, các chứng từ do cơ quan thuế đặt in; cơ quan thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu thuế, phí, lệ phí sử dụng biên lai thu thuế, phí lệ phí điện tử;*

b) Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ trong thời gian 12 tháng kể từ khi bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử gồm:

b1) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

b2) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

Tổng cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ cho các đối tượng nêu trên."

10. Sửa đổi khoản 1, khoản 2; bổ sung khoản 1a, 2a Điều 15 như sau:

"Điều 15. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Nếu đơn vị trực thuộc đáp ứng quy định khai thuế GTGT riêng theo phương pháp khấu trừ thì đơn vị trực thuộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử riêng.

Trường hợp tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng được sử dụng mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ thì có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ.

Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức kết nối chuyền dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cục thuế các tỉnh, thành phố sử dụng hóa đơn điện tử khi bán tem điện tử hoặc bán các chứng từ khác thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và lập hóa đơn điện tử trực tiếp thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/DKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ,

Chữ in thường là quy định hiện hành;
Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;
Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bù.

cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử trực tiếp theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

1a. Chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký mới thông tin sử dụng hóa đơn điện tử:

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động xác thực nhân thân người đại diện theo pháp luật, nhân thân của hộ, cá nhân kinh doanh theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử (VneID- đối với trường hợp đã được cấp mã định danh điện tử), hoặc xác thực qua tin nhắn theo số điện thoại đã đăng ký với cơ quan thuế, hoặc xác thực bằng các phương tiện điện tử khác theo quy định về xác thực điện tử, trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật là cá nhân nước ngoài. Trường hợp kết quả xác thực người đại diện theo pháp luật không khớp đúng hoặc không có thông tin hoặc thuộc diện rủi ro cao trong đăng ký thuế theo pháp luật về quản lý thuế, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế, Cơ quan thuế ban hành Thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu chứng minh các thông tin về nhân thân người đại diện theo pháp luật, thông tin đăng ký thuế là đúng, cơ quan thuế thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Quá thời hạn giải trình, bổ sung theo thông báo của cơ quan thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hoặc người nộp thuế có giải trình, bổ sung nhưng Cơ quan thuế có thông tin để xác định việc người nộp thuế kê khai không đúng thông tin đăng ký thuế, thông tin thân nhân người đại diện theo pháp luật. Cơ quan thuế thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Thời gian người nộp thuế giải trình bổ sung không tính trong thời gian trả thông báo chấp nhận/không chấp nhận của Cơ quan thuế.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bô sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bô.

b) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử:

b.1) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin đăng ký thuế, cơ quan thuế thực hiện tương tự theo điểm a khoản này.

b.2) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử nhưng không thay đổi thông tin đăng ký thuế, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

2. Trong thời gian **04 - 02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử **đối với trường hợp tại khoản 1 Điều này và kể từ khi nhận được đầy đủ thông tin giải trình, bổ sung của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại khoản 1a Điều này**, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo trực tiếp đến doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại **điểm a.1 khoản 4 Điều 21** của Nghị định này được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB nhưng chưa phối hợp với Tổng cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiêm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiêm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 **21** Nghị định này. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiêm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện chuyển dữ liệu qua Tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

a) ~~Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh~~ Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b) ~~Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh~~ thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh;

d) ~~Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có Cơ quan thuế thông báo~~ của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

d) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

e) ~~Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán không hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;~~

e) *Trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế dấu hiệu doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử.*

g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) *Người nộp thuế thuộc trường hợp giám sát trọng điểm về thuế và thuộc danh sách do cơ quan thuế xác định sau khi cơ quan thuế áp dụng các biện pháp giám sát theo quy định pháp luật về quản lý thuế.*

i) *Người nộp thuế có dấu hiệu bất thường khác theo tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế của cơ quan thuế.*

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

k) Trường hợp cơ quan thuế chuyển hồ sơ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sang cơ quan công an theo tin báo tội phạm.

l) Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyển đổi sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh.

m) Người nộp thuế có văn bản đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT.

2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

*2a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo (Mẫu số 01/TB-NSDHD) đến người nộp thuế thuộc trường hợp tại điểm *d, e, k, l* khoản 1 Điều này để nghị người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.*

*2b) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo đến người nộp thuế thuộc trường hợp tại điểm *g, h, i* khoản 1 Điều này để nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử.*

Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ra thông báo. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu hoặc bằng văn bản.

Người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử hoặc giải trình bổ sung, cụ thể:

- Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.

- Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, tài liệu. Thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ra thông báo.

Hết thời hạn theo thông báo mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì cơ quan thuế ra thông báo đề nghị người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và xử lý theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế cơ quan thuế ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định

cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn hoặc khi có thông báo của cơ quan chức năng.

~~4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh đang trong thời hạn tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày tạm ngừng kinh doanh thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này.~~

4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu được sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này."

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 17 như sau:

"Điều 17. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

1. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này nếu truy cập Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Ký số trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã *chậm nhất là trong cùng ngày ký số.*"

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập

~~+ Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.~~

1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua và cơ quan thuế) nhưng người bán, người mua chưa kê khai thuế hoặc hóa đơn điện tử đã lập sai mã số thuế người mua thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

đã lập sai và lập hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập sai trên hệ thống của cơ quan thuế.

2. Trường hợp hóa đơn điện tử ~~đã lập sai và người bán, người mua đã kê khai thuế có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai sót~~ thì xử lý như sau:

a) Trường hợp ~~eó sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế hoặc sai về các nội dung không phải là các nội dung của hóa đơn~~ theo quy định *từ khoản 1 đến khoản 13* Điều 10 Nghị định này ~~eác nội dung khác không sai sót~~ thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn ~~điện tử lập eó sai sót và không phải lập lại hóa đơn~~. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử ~~lập eó sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế eó sai sót nếu trên chưa ghi dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế~~.

b) Trường hợp ~~eó sai về: mã số thuế; tên hàng hóa, dịch vụ; đơn vị tính; số lượng; đơn giá; thuế suất; số tiền ghi trên hóa đơn, sai về; thành tiền chưa có thuế GTGT; tiền thuế; tổng tiền có thuế GTGT hoặc sai ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng~~ thì có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

b.1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập ~~eó sai sót~~. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh cho hóa đơn đã lập có sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót.

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập ~~eó sai sót~~ phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. *Người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai.*

b.2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử ~~eó lập~~ sai sót trừ trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã ~~eó lập~~ sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ **nội dung** sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập ~~eó sai sót~~.

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập ~~eó sai sót~~ phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập ~~eó sai sót~~ sau đó người bán gửi cho người mua (đối với

Chữ in thường là quy định hiện hành;
Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;
Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

c) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đối, hoàn chứng từ vận chuyên hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyên hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyên do đại lý xuất.

3. Trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo khoản 1, khoản 2 Điều này, người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua, thông báo trên website của đơn vị mình (nếu có).

4.→3. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập eé sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này để người bán kiểm tra *nội dung* sai sót.

Theo thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc kiểm tra hóa đơn điện tử đã lập eé sai sót.

Hết thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB mà người bán không thông báo với cơ quan thuế thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo lần 2 cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB. Trường hợp quá thời hạn thông báo lần 2 ghi trên Mẫu số 01/TB-RSDT Phụ lục IB mà người bán không có thông báo thì cơ quan thuế xem xét chuyển sang trường hợp kiểm tra về sử dụng hóa đơn điện tử.

5. 4. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT quy định tại khoản 1 Điều này thì hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.

6. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập trong một số trường hợp như sau:

a) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không có sai sót nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung để xuất bô.

thay đổi về giá trị, khối lượng thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử điều chỉnh cho hóa đơn đã lập.

b) Đối với các hóa đơn điện tử bị lập trùng cho cùng một giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập bị trùng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp người bán lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp thu tiền trong khi cung cấp dịch vụ sau đó phát sinh hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử điều chỉnh cho hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

d) Xử lý hóa đơn điện tử đã lập trong trường hợp trả lại hàng hoá:

d.1) Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hàng hoá thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều này.

d.2) Trường hợp người mua trả lại một phần hàng hoá thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

d.3) Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hóa đơn trả lại hàng cho người bán.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm d.1, d.2, d.3, người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá và phải xuất trình khi được yêu cầu.

d) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ cho đơn vị chấp nhận thẻ thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này, trên hóa đơn điều chỉnh không cần có thông tin “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số...ký hiệu....ngày...tháng...năm.

e) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ cào dịch vụ viễn thông trả trước để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhắn tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn GTGT theo quy định, thì doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bo.

trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.”

14. Sửa tên Điều 20 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“Điều 20. Xử lý sự cố hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

2. Trường hợp hệ thống cấp mã của cơ quan thuế gặp sự cố, Tổng cục Thuế thực hiện các giải pháp kỹ thuật chuyển sang hệ thống dự phòng và có trách nhiệm thông báo trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về các sự cố nêu trên. Tổng cục Thuế lựa chọn một số tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử có đủ điều kiện để ủy quyền cấp mã hóa đơn điện tử trong trường hợp hệ thống của cơ quan thuế gặp sự cố.

Trường hợp trong thời gian chưa khắc phục được sự cố của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có giải pháp bán hóa đơn do cơ quan thuế đặt in cho một số tổ chức, cá nhân để sử dụng. Sau khi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế được khắc phục, cơ quan thuế thông báo để các tổ chức, cá nhân tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua ~~của cơ quan thuế~~ theo Mẫu số BC26/HĐG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này *đến cơ quan thuế đồng thời gửi dữ liệu hóa đơn giấy đã lập đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.*”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21, Điều 22 như sau:

Bãi bỏ Điều 21, Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và thay bằng Điều 21, Điều 22 như sau:

Điều 21. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử:

1. Quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản đã được cơ quan thuế cấp.

2. Tạo lập hóa đơn điện tử về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để gửi đến người mua, cơ quan thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hóa đơn điện tử đã lập.

3. Gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đến người mua ngay sau khi nhận được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đối với trường hợp người bán sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

4. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đã lập đến cơ quan thuế qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử) đối với trường hợp người

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

bán sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.

a) Hình thức gửi dữ liệu

a.1) Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế:

Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện dưới đây thì người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp:

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng bình quân từ 100.000 hóa đơn một tháng trở lên, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến Tổng cục Thuế.

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.

a.2) Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử:

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế. Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.

b) Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu:

b.1) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không, chứng khoán.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

- *Bán hàng hóa là điện, nước sạch nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng.*

Người bán lập Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng hoặc quý (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý) theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan thuế chậm nhất là thời hạn nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì bảng tổng hợp sẽ được tách theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế nhằm đảm bảo yêu cầu gửi nhận dữ liệu trên đường truyền.

Đối với hóa đơn gửi theo bảng tổng hợp thì người bán gửi thông tin hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA Nghị định này đến cơ quan thuế.

Các hóa đơn được lập cho tổng doanh thu của người mua là cá nhân không kinh doanh phát sinh trong ngày hoặc tháng theo bảng kê chi tiết thì người bán chỉ gửi dữ liệu hóa đơn điện tử (không kèm bảng kê chi tiết) đến cơ quan thuế.

Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng đã thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử này ngay trong ngày.

b.2) Xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế:

Sau thời hạn chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, trường hợp thiếu dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung;

Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế bị lập sai thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp;

Việc điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này thì phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn vào cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu 01/TH-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)."

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

c) Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.

5. Truy cập hệ thống HĐĐT do cơ quan thuế xây dựng theo định dạng chuẩn dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này để lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hóa hoàn thuế GTGT.

6. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ hóa đơn điện tử; thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống dữ liệu điện tử.

7. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

1. Trách nhiệm đối với người mua dịch vụ:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

b) Cung cấp dịch vụ truyền nhận hóa đơn điện tử và dữ liệu hóa đơn điện tử giữa người mua dịch vụ với cơ quan thuế.

c) Thực hiện việc gửi, nhận đúng hạn, toàn vẹn hóa đơn điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

d) Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận hóa đơn điện tử.

d) Thông báo cho người mua dịch vụ và cơ quan thuế trước 30 ngày kể từ ngày tạm ngừng kinh doanh, dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của người mua dịch vụ.

e) Chịu trách nhiệm về việc hóa đơn điện tử của người mua dịch vụ đến cơ quan thuế không đúng thời hạn theo quy định trong trường hợp người mua dịch vụ lập hóa đơn điện tử đúng thời hạn quy định.

g) Bảo đảm giữ bí mật về dữ liệu các thông tin về hóa đơn điện tử của khách hàng.

2. Trách nhiệm đối với cơ quan thuế:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với cơ quan thuế chỉ được cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử cho người mua căn cứ theo hợp đồng đã ký với Tổng cục Thuế.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

b) Có trách nhiệm chuyển hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dữ liệu hóa đơn điện tử (đối với trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) đến Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngay sau khi nhận được hóa đơn điện tử từ người mua dịch vụ chuyển đến.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

d) Chủ động giải quyết khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ hóa đơn điện tử và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

d) Cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan thuế trong việc ngăn chặn doanh nghiệp sử dụng hóa đơn không hợp pháp."

16. Bổ sung thêm điểm c vào Khoản 1, Điều 30 như sau:

"Điều 30. Loại chứng từ

1. Chứng từ trong lĩnh vực quản lý thuế, phí, lệ phí của cơ quan thuế bao gồm:...

c. Chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

"Điều 31. Thời điểm lập chứng từ và thời điểm chuyển dữ liệu chứng từ đến cơ quan thuế

1.Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, *thời điểm đổi đồng tiền quy ước, thời điểm trả thưởng, thời điểm tổng hợp doanh thu đối với hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược*. tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, *doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược* phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí, người đổi đồng tiền quy ước, người nhận thường.

2. *Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế thu nhận cá nhân. Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.*

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

3. Tổ chức chi trả thu nhập chỉ được cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế khi đã nộp đầy đủ tiền thuế đã khấu trừ của người lao động vào ngân sách Nhà nước."

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

a. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chứng từ khấu trừ thuế có các nội dung sau:

a) Tên chứng từ khấu trừ thuế;

b) Ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Số thứ tự chứng từ khấu trừ thuế là số thứ tự được thể hiện trên chứng từ và được bắt đầu từ số 01 vào ngày 01 tháng một hoặc ngày bắt đầu sử dụng chứng từ và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Chứng từ khấu trừ thuế điện tử có số thứ tự liên tục từ nhỏ đến lớn theo dãy số tự nhiên, tối đa không quá 7 chữ số trong 01 ký hiệu (đến số 9 999 999).

Trường hợp số chứng từ không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập chứng từ điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi chứng từ đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 07 chữ số.

d) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp;

đ) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế (nếu người nộp thuế có mã số thuế);

e) Quốc tịch (nếu người nộp thuế không thuộc quốc tịch Việt Nam);

g) Khoản thu nhập, thời điểm trả thu nhập, tổng thu nhập chịu thuế, số thuế đã khấu trừ; ~~số thu nhập còn được nhận; Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc:~~

h) Ngày, tháng, năm lập chứng từ khấu trừ thuế;

i) Họ tên, chữ ký của người trả thu nhập.

Trường hợp sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số.

Ngoài các nội dung nêu trên thì tổ chức, cá nhân có thể bổ sung những đặc thù, biểu tượng của mình trên chứng từ khấu trừ thuế điện tử. Chữ viết hiển thị trên chứng từ khấu trừ thuế là tiếng Việt. Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt. Trường hợp có sai khác giữa nội dung tiếng Việt và chữ nước ngoài thì ưu tiên tiếng Việt trước, tiếng nước ngoài sau.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

Mẫu hiện thị chứng từ khấu trừ thuế theo Mẫu số 03/TNCN ban hành kèm theo Nghị định này."

b. Bổ sung thêm khoản 4 như sau:

"4. Chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược có nội dung sau:

a) Phiếu đổi đồng tiền quy ước

- Tên doanh nghiệp;*
- Mã số thuế doanh nghiệp;*
- Ký hiệu;*
- Số;*
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ;*
- Loại tiền thu được (đồng tiền);*
- Số tiền thu được;*
- Loại đồng tiền quy ước;*
- Số lượng đồng tiền quy ước;*
- Mệnh giá đồng tiền quy ước (quy đổi theo từng đồng tiền);*
- Bàn chơi/ điểm thu ngân;*
- Họ tên, chữ ký của người lập chứng từ.*

b) Phiếu đổi lại đồng tiền quy ước, trả thưởng

- Tên doanh nghiệp;*
- Mã số thuế doanh nghiệp;*
- Ký hiệu;*
- Số;*
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ;*
- Loại tiền trả lại cho người chơi (đồng tiền);*
- Số tiền trả lại;*
- Loại đồng tiền quy ước nhận lại;*
- Số lượng đồng tiền quy ước nhận lại;*
- Mệnh giá đồng tiền quy ước (quy đổi theo từng đồng tiền);*
- Điểm thu ngân;*

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung để xuất bô.

- Họ tên, chữ ký của người lập chứng từ.

Trường hợp sử dụng chứng từ điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"Điều 33. Định dạng chứng từ điện tử

1. Định dạng ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* điện tử

Các loại ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* quy định tại ~~điểm b~~ khoản 1 Điều 30 Nghị định này phải thực hiện theo định dạng sau:

a) Định dạng ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML. (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin);

b) Định dạng ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số;

c) Tổng cục Thuế xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* điện tử theo quy định tại Nghị định này.

2. Định dạng ~~chứng từ~~ ~~khấu trừ~~ thuế thu nhập cá nhân

d) Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân ~~khi sử dụng~~ *lập* chứng từ theo quy định tại ~~điểm a~~ khoản 1 Điều 30 Nghị định ~~này theo hình thức~~ ~~điện tử~~ ~~tự~~ ~~xây dựng~~ ~~từ~~ hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. *Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập được sử dụng hóa đơn điện tử trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì có thể lựa chọn việc lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trên công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.*

Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thường khi sử dụng chứng từ theo quy định tại ~~điểm c~~ khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại ~~điểm 4~~ Điều 32 Nghị định này.

*3.2. Chứng từ điện tử, ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ* phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của chứng từ đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử."*

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

"Điều 34. Đăng ký, sử dụng chứng từ ~~bìa~~ ~~lai~~ *chứng từ*

Chữ in thường là quy định hiện hành:

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung ~~bổ~~ ~~sung~~:

Chữ in thường gạch là nội dung ~~dễ~~ ~~xuất~~ ~~bỏ~~:

1. Tổ chức thu các khoản phí, lệ phí; **tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng** trước khi sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử theo ~~điều~~ ~~b~~ khoản 1 Điều 30 thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế **hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử.**

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐK-BL CT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử của tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế và gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐK Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này sau khi nhận được đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử để xác nhận việc nộp hồ sơ đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng ~~chứng từ~~ điện tử cho tổ chức thu các khoản phí, lệ phí; **tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng ~~chứng từ~~ điện tử trực tiếp tại Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử đối với trường hợp tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử.**

2. Trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử, Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này tới các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này **qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử hoặc gửi thông báo điện tử trực tiếp đến tổ chức thu các khoản phí, lệ phí; tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế** về việc chấp nhận trong trường hợp đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử hợp lệ, không có sai sót hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử không đủ điều kiện để chấp nhận hoặc có sai sót.

3. Kể từ thời điểm sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử theo quy định tại Nghị định này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải thực hiện hủy những ~~bìa~~ ~~lai~~, ~~chứng từ~~ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng ~~bìa~~ ~~lai~~ ~~chứng từ~~ điện tử tại khoản 1 Điều này ~~tổ chức thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước~~ thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TKĐK-BL CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế **hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử.**

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

5. Tổ chức thực hiện báo cáo việc sử dụng biên lai điện tử theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau theo Mẫu BC26/BLĐT ban hành kèm theo Nghị định này."

21. Bổ sung Điều 34a như sau:

"Điều 34a. Xử lý chứng từ điện tử đã lập

1. Trường hợp chứng từ lập sai nội dung thì tổ chức thực hiện hủy chứng từ điện tử, riêng trường hợp đã gửi chứng từ điện tử cho người nộp thuế thì tổ chức phải lập biên bản ghi rõ nội dung sai, số, ngày chứng từ đã lập sai có chữ ký xác nhận của người nộp thuế trước khi hủy chứng từ điện tử.

2. Trường hợp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đã được tổ chức, cá nhân trả thu nhập lập nhưng có sai sót và đã gửi cho người nhận thu nhập thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải lập biên bản ghi rõ nội dung sai, số, ngày chứng từ khấu trừ đã lập sai, người nhận thu nhập đã hoặc chưa quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với chứng từ có sai sót này, có chữ ký xác nhận của người nhận thu nhập và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi đã hủy chứng từ khấu trừ lập sai, tổ chức, cá nhân trả thu nhập lập chứng từ khấu trừ mới thay thế để gửi cho người nhận thu nhập và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về số chứng từ khấu trừ hủy bỏ. Trường hợp biên bản ghi nội dung người nhận thu nhập đã quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì người nhận thu nhập có trách nhiệm khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân nếu chứng từ khấu trừ mới thay thế làm giảm số thuế được hoàn hoặc giảm số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau."

22. Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 35 như sau:

"Điều 35. Nguyên tắc tạo biên lai

1. Cục Thuế tạo biên lai phí, lệ phí theo hình thức đặt in (loại không in sẵn mệnh giá) được bán cho các tổ chức thu phí, lệ phí theo giá đàm bảo bù đắp chi phí in ấn, phát hành. Đồng thời Cục Thuế tạo biên lai thu thuế theo hình thức đặt in cấp cho các Chi cục Thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu để thực hiện thu thuế.

2. Trường hợp đặt in biên lai, cơ quan thuế, tổ chức thu phí, lệ phí lựa chọn tổ chức đủ điều kiện in theo quy định để ký hợp đồng đặt in biên lai thuế phí, lệ phí. Biên lai phải theo đúng mẫu, được đóng thành quyển, mỗi quyển có 50 số. Khi in xong phải thực hiện hủy các bản in, bìa kẽm, các sản phẩm in thừa, in thử trước khi thanh lý hợp đồng đặt in biên lai.

Khi cơ quan thuế bán biên lai cho tổ chức thu phí, lệ phí, yêu cầu người lĩnh biên lai phải có giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị (giấy giới thiệu

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bổ

ghi cụ thể số lượng biên lai cần mua), xuất trình căn cước công dân/ hộ chiếu còn hiệu lực, khi nhận phải kiểm đếm từng liên, từng số, từng quyền, từng ký hiệu trước khi ra khỏi cơ quan thuế.

Biên lai trước khi sử dụng phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí ở phía trên bên trái tờ biên lai và phải sử dụng theo đúng quy định đối với từng loại biên lai.”

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 36 như sau:

“Điều 36. Thông báo phát hành biên lai đặt in, tự in

2. Phát hành biên lai của cơ quan Thuế

Biên lai do Cục Thuế đặt in trước khi bán **hoặc cấp** lần đầu phải lập thông báo phát hành biên lai. Thông báo phát hành biên lai phải được gửi đến tất cả các Cục Thuế trong cả nước trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập thông báo phát hành và trước khi bán **hoặc cấp**. Khi phát hành biên lai phải đảm bảo không được trùng số biên lai trong cùng ký hiệu.

Trường hợp Cục Thuế đã đưa nội dung Thông báo phát hành biên lai lên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì không phải gửi thông báo phát hành biên lai đến Cục Thuế khác.

Trường hợp có sự thay đổi về nội dung đã thông báo phát hành, Cục Thuế phải thực hiện thủ tục thông báo phát hành mới theo hướng dẫn nêu trên.

3. Nội dung Thông báo phát hành biên lai gồm:

a) Văn bản pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn công việc quản lý nhà nước có thu **thuế**, phí, lệ phí;

b) Tên, mã số thuế, địa chỉ của tổ chức ~~thu phí, lệ phí~~ **phát hành biên lai** ~~hoặc cơ quan được ủy quyền thu phí, lệ phí hoặc được ủy nhiệm lập biên lai thu phí, lệ phí~~;

c) Các loại biên lai sử dụng (kèm theo biên lai mẫu). Biên lai mẫu là bản in thể hiện đúng, đủ các tiêu thức trên liên (phần) của biên lai (giao cho người nộp **thuế**, phí, lệ phí), có số biên lai là dãy các chữ số 0, in hoặc đóng chữ “Mẫu” trên biên lai;

...

e) Ngày lập thông báo phát hành; tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của tổ chức ~~thu phí, lệ phí~~ **phát hành biên lai**

Khi thay đổi toàn bộ hoặc một trong các chi tiêu về hình thức và nội dung của biên lai (kể cả nội dung bắt buộc và không bắt buộc), tổ chức ~~thu phí, lệ phí~~ **phát hành biên lai** gửi thông báo phát hành mới theo hướng dẫn tại khoản này, trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm d khoản 3 Điều này.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

Thông báo phát hành biên lai thực hiện theo Mẫu số 02/PHI-BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này."

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

"Điều 38. Báo cáo tình hình sử dụng biên lai đặt in, tự in

1. Hàng quý, tổ chức ~~sử dụng biên lai thu phí~~, lệ phí có trách nhiệm nộp báo cáo tình hình sử dụng biên lai.

Thời hạn nộp báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo quý chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý sử dụng biên lai.

2. Báo cáo tình hình sử dụng biên lai gồm các nội dung sau: Tên đơn vị, mã số thuế (nếu có), địa chỉ; tên loại biên lai; ký hiệu mẫu biên lai, ký hiệu biên lai; số tồn đầu kỳ, mua phát hành trong kỳ; số sử dụng, xoá bỏ, mất, **cháy, hỏng** huỷ trong kỳ; **trả lại cơ quan thuế**; tồn cuối kỳ gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Trường hợp trong kỳ không sử dụng biên lai, tại Báo cáo sử dụng biên lai ghi số lượng biên lai sử dụng bằng không (=0). Trường hợp kỳ trước đã sử dụng hết biên lai, đã báo cáo tình hình sử dụng biên lai kỳ trước với số tồn bằng không (0), trong kỳ **không mua, không nhận**, không thông báo phát hành biên lai ~~thu tiền phí, lệ phí~~, không sử dụng biên lai thì ~~tổ chức sử dụng biên lai thu phí, lệ phí~~ không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng biên lai.

Đối với biên lai thu phí, lệ phí nếu tổ chức thu phí, lệ phí phát hiện biên lai đã lập có sai sót, tổ chức thu phí, lệ phí gạch chéo lưu giữ tại quyền biên lai và kê vào phần sử dụng tại cột xoá bỏ Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLG

Đối với các số biên lai thu thuế lẻ còn chưa sử dụng trong quyền biên lai đã sử dụng (bao gồm cả biên lai bị hư hỏng) nhưng tổ chức thu không còn nhu cầu sử dụng hoặc trường hợp tổ chức thu phát hiện biên lai có sai sót: Tổ chức thu gạch chéo lưu giữ tại quyền biên lai và kê vào phần sử dụng tại cột xoá bỏ Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLG

Tổ chức sử dụng biên lai thuế thực hiện trả lại biên lai về cơ quan thuế và kê vào cột trả lại cơ quan thuế trong Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu thuế theo Mẫu số BC26/BLG trong các trường hợp sau:

- **Biên lai trả về cơ quan thuế để tiếp tục sử dụng: Biên lai trong trường hợp này phải là loại còn giá trị sử dụng, nguyên quyển, không bị rách, mối mọt, chưa đóng dấu của tổ chức thu.**

- **Biên lai trả về cơ quan thuế để huỷ: Biên lai nguyên quyển không còn giá trị sử dụng (bao gồm cả biên lai bị hư hỏng) hoặc biên lai còn giá trị sử dụng nhưng đã đóng dấu của tổ chức thu.**

Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai thì tổ chức thu phí, lệ phí vẫn phải báo cáo tình hình sử dụng biên lai.

Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT hoặc Mẫu số BC26/BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này”

25. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3 Điều 39 và Điều 40:

“Điều 39. Tiêu hủy biên lai

1. Các trường hợp tiêu hủy biên lai

- Biên lai đặt in bị in sai, in trùng, in thừa phải được tiêu hủy trước khi thanh lý hợp đồng đặt in biên lai ~~thu phí, lệ phí~~.

...

3. Trình tự, thủ tục tiêu hủy biên lai

...

e) Cơ quan thuế thực hiện tiêu hủy biên lai do Cục Thuế đặt in đã thông báo phát hành chưa bán, **chưa cấp hoặc biên lai được thu hồi** nhưng không tiếp tục **còn giá trị** sử dụng. Tổng cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn quy trình tiêu hủy biên lai do Cục Thuế đặt in”

“Điều 40. Xử lý biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng

1. Tổ chức ~~sử dụng biên lai thu các khoản phí~~ lệ phí nếu phát hiện mất, cháy, hỏng biên lai ...

2. Trường hợp người nộp thuế, người nộp phí, lệ phí làm mất, cháy, hỏng chứng từ, biên lai ... đóng dấu (nếu có) của tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng biên lai để làm chứng từ thanh toán, quyết toán tài chính. Tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí và người nộp chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng biên lai”

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

“Điều 46. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

1. Tổng cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin hóa đơn điện tử đối với đề nghị của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước cấp Trung ương. Cục Thuế, Chi cục Thuế cung cấp thông tin đối với đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp.

2. Các bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm:

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

a) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin hóa đơn điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường; **phục vụ hoạt động tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.**

c) Các tổ chức tín dụng sử dụng thông tin hóa đơn điện tử để thực hiện các thủ tục về thuế, thủ tục thanh toán qua ngân hàng;

d) Các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

d) Các tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

e) *Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên."*

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 47 như sau:

"Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Công thông tin điện tử

1. Bên sử dụng thông tin là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ truy cập vào Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin hóa đơn điện tử.

2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, ~~tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã ký quy chế trao đổi thông tin hoặc ký hợp đồng phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử từ Tổng cục Thuế như sau: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Công thông tin điện tử về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên.~~

a) ~~Áp dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật;~~

b) ~~Thực hiện việc mã hóa đường truyền;~~

c) ~~Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;~~

d) ~~Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do Tổng cục Thuế công bố, gồm: Chỉ tiêu thông tin, định dạng dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất trao đổi thông tin.~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

~~Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Tổng cục Thuế bằng văn bản.~~

3. Tổng cục Thuế là đơn vị đầu mối thông nhất nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử đối với đề nghị của các cơ quan, tổ chức cấp Trung ương (bao gồm cả trường hợp đề nghị sử dụng cho các cơ quan, tổ chức cấp dưới); Cục Thuế là đơn vị đầu mối thông nhất nội dung cung cấp thông tin đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố trong trường hợp chưa có văn bản thông nhất của các cơ quan, tổ chức cấp trên. Tổng cục Thuế, Cục Thuế thực hiện cấp tối đa hai (02) tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.

Trình tự, thủ tục đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Công thông tin hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định này.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48 như sau:

“Điều 48. Công bố, Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử

1. Nội dung thông tin hóa đơn điện tử được cung cấp ~~trên~~ Công thông tin điện tử là các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và tình trạng hóa đơn điện tử.

2. Thông tin hóa đơn điện tử ~~được cơ quan thuế~~ cung cấp dưới dạng văn bản ~~điện tử và hoặc~~ dữ liệu điện tử ~~được ký bằng chữ ký số của Tổng cục Thuế hoặc dưới dạng tin nhắn do Tổng cục Thuế cung cấp cho bên sử dụng thông tin là cơ quan quản lý nhà nước thông qua số điện thoại được công bố chính thức tại văn bản gửi Tổng cục Thuế.~~

3. Việc hiển thị thông tin hóa đơn điện tử trên hệ thống của doanh nghiệp phải theo thứ tự các nội dung hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.”

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Công thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

~~1. Đăng ký mới, bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử~~

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, Cục Thuế để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử và thông báo kết quả theo Mẫu số 01/CCTT-NT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp có các nội dung thông tin không được chấp nhận đăng ký mới hoặc bổ sung thì phải nêu rõ lý do.

2. 1. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Công thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi là tài khoản):

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung *thông tin thời hạn sử dụng* hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung *thông tin thời hạn sử dụng* của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do.

Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế, công bố chính thức;

c) Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Công thông tin điện tử đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung *thông tin* thời hạn sử dụng là 24/12 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24/12 tháng tính từ ngày Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin.

Truong thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế, công bố chính thức.

3. Đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động:

a) Đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động theo Mẫu số 01/CCTT-NT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đã xuất bô.

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động và thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng phải nêu rõ lý do;

c) Thời hạn sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thời hạn sử dụng là 24 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 tháng tính từ ngày Tổng cục Thuế gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin.

Truước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế công bố chính thức.

4. Đăng ký kết nối, dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Công thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế để đề nghị kết nối hoặc dừng kết nối với Công thông tin điện tử theo Mẫu số 01/CCCTT-KN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của bên sử dụng thông tin, trường hợp không chấp nhận đề nghị phải nêu rõ lý do;

e) Đối với trường hợp chấp nhận kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế cử đoàn khao sát đến địa điểm, cơ sở vật chất triển khai hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin để kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu.

Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khao sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin đáp ứng các yêu cầu thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc đủ điều kiện kết nối và phối hợp tiến hành kết nối các hệ thống để cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khao sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin không đáp ứng các yêu cầu thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế, thông báo bằng văn bản với

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

bên sử dụng thông tin về việc không đủ điều kiện kết nối với Công thông tin điện tử.

d) Đối với trường hợp chấp nhận dùng kết nối hệ thống: kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế phối hợp với bên sử dụng thông tin tiến hành dùng kết nối các hệ thống.

30. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

1. Tổng cục Thuế, **Cục Thuế** thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Công thông tin điện tử hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động trong các trường hợp sau:

- a) Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- b) Thời hạn sử dụng đã hết;
- c) Tài khoản truy cập Công thông tin điện tử hoặc số điện thoại di động không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng liên tục;
- d) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. **Tổng cục Thuế thực hiện việc dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Công thông tin điện tử** trong các trường hợp sau:

- a) Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- b) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Tổng cục Thuế, **Cục Thuế** thông báo bằng văn bản cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, nếu rõ lý do của việc chấm dứt sử dụng.”

31. Bài bổ Điều 51 Nghị định 123/2020/NĐ-CP:

Điều 51. Thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bo.

~~Trong thời gian không quá 05 phút kể từ khi nhận được yêu cầu, Công thông tin điện tử phản hồi cho bên sử dụng thông tin:~~

~~1. Thông tin hóa đơn điện tử~~

~~Thông báo lý do trong trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc không có thông tin hóa đơn điện tử.~~

~~2. Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin với số liệu lớn thì thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử do Tổng cục Thuế thông báo.~~

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế

1. Xây dựng, triển khai, quản lý vận hành Công thông tin điện tử, cụ thể:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

c) Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đảm bảo an toàn thông tin;

d) Chủ trì thực hiện việc hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ vận hành hệ thống.

2. Quản lý việc đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của bên sử dụng thông tin.

~~3. Triển khai, công bố địa chỉ thư điện tử và số điện thoại phục vụ việc cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.~~

~~4. Xây dựng, công bố các yêu cầu kỹ thuật để kết nối với Công thông tin hóa đơn điện tử.~~

5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế thực hiện thông báo **trên Công thông tin về hóa đơn điện tử** với các bên sử dụng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin.”

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

“Điều 53. Trách nhiệm của bên sử dụng thông tin

1. Sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để bảo đảm thực hiện việc tra cứu, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

3. Thực hiện đăng ký để được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

4. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản truy cập Công thông tin điện tử, số điện thoại nhận tin nhắn tra cứu thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử do Tổng cục Thuế cấp.

~~5. Đảm bảo việc xây dựng, triển khai, vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin hóa đơn điện tử.”~~

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Quy chế Nghị định này được cấp từ ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.”

35. Bổ sung khoản 4 vào Điều 57 như sau:

“Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử

4. Cán bộ thuế được miễn trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định pháp luật, nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.”

36. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

“Điều 58. Trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử

3. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu những sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc đối tượng sử dụng tem theo quy định của pháp luật thực hiện *quét mã QR cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam trước khi tiêu thụ trong nước hoặc sản phẩm sản xuất ở nước ngoài trước khi nhập khẩu để đảm bảo* kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử giữa tổ chức sản xuất, nhập khẩu với cơ quan quản lý thuế. Thông tin về in, sử dụng tem điện tử là cơ sở để lập, quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử. Các đối tượng sử dụng tem có trách nhiệm chi trả chi phí in và sử dụng tem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ in đậm, nghiêng là nội dung bổ sung;

Chữ in thường gạch là nội dung đề xuất bỏ.

37. Sửa đổi, bổ sung các Biểu mẫu: Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Mẫu 01/TH-HĐĐT, Mẫu 03/DL-HĐĐT, Mẫu 01/TB-TNĐT, Mẫu 01/TB-ĐKĐT, Mẫu 01/ĐKĐT-BL, Mẫu 06/ĐN-PSĐT, Mẫu số 01/TB-KTT, Mẫu BC26/HĐG, Mẫu 04/SS-HĐĐT, Mẫu BC26/BLG, Mẫu 01/TB-NSDHD và bãi bỏ Mẫu BC26/BLĐT.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.
2. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 39/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 121/2021/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
3. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tông Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cảng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phụ lục IA
Danh sách các biểu, mẫu sửa đổi
*(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP
ngày tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)*

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu	Tình trạng
1. Hóa đơn điện tử		
01/ĐKTĐ/HĐĐT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung 01/ĐKTĐ-HĐĐT
04/SS-HĐĐT	Thông báo HĐĐT đã lập sai	Sửa đổi, bổ sung
06/ĐN-PSĐT	Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh	Sửa đổi, bổ sung
01/TH-HĐĐT	Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung
03/DL-HĐĐT	Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương pháp trực tiếp	Sửa đổi, bổ sung Bổ sung 03A/DL-HĐĐT
BC26/HĐG	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn	Sửa đổi, bổ sung
2. Chứng từ điện tử		
01/ĐKTĐ-BL	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử	Sửa đổi, bổ sung 01/ĐKTĐ-CTĐT
BC26/BLĐT	Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí	Bổ
3. Biên lai giấy		
BC26/BLG	Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí	Sửa đổi, bổ sung

Phụ lục IB
DANH MỤC THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ
*(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP
ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)*

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu	Điều, Chương có liên quan
Hóa đơn, chứng từ điện tử		
01/TB-TNĐT	Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử>	Sửa đổi
01/TB-ĐKĐT	Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử	Sửa đổi
01/TB-KTT	Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và chuyển sang thông qua Công thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	Sửa đổi
01/TB-NSDHD	Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử	Mới

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử**

- Đăng ký mới
 Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:	
Mã số thuế:	
Cơ quan thuế quản lý:	
Người liên hệ: (Đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh)	Điện thoại liên hệ: (Đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh)
Địa chỉ liên hệ: của NNT	Thư điện tử: của NNT

Theo Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

1. Hình thức hóa đơn:

- Có mã của cơ quan thuế
 Không có mã của cơ quan thuế

2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:

- a. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã không phải trả tiền dịch vụ theo khoản 1 Điều 14 của Nghị định:

Cơ quan thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán tem điện tử, các chứng từ do cơ quan thuế đặt in; cơ quan thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu thuế, phí, lệ phí sử dụng biên lai thu thuế, phí lệ phí điện tử;

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

- b. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).

Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (~~điểm b2, khoản 3, Điều 22 của Nghị định~~).

3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:

- Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn.
- Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử **theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT** (~~điểm a1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định~~).

4. Loại hóa đơn sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền**
 - Hóa đơn GTGT khởi tạo từ máy tính tiền**
 - Hóa đơn bán hàng khởi tạo từ máy tính tiền**
- Hóa đơn bán tài sản công
- Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
- Các loại hóa đơn khác
- Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn.

5. Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn

STT	Tên loại hóa đơn ủy nhiệm	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm	Tên tổ chức được ủy nhiệm	Mục đích ủy nhiệm	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm
1	2	3	4	5	6	7	8

7. Tổ chức cung cấp dịch vụ

STT	Tên tổ chức cung cấp dịch vụ	Mã số thuế	Thời gian	Ghi chú

			Từ ngày	Đến ngày	
1					
2					
....					

8. Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

Trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, chúng tôi xin phép tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cụ thể như sau:

STT	Thời gian tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử		Tổ chức cung cấp dịch vụ	Số sê- ri chứng thư	Ghi chú
	Từ ngày	Đến ngày			

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số người nộp thuế)

BÀNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ

[01] Kỳ dữ liệu: Tháng năm hoặc quý năm

[02] Làn đầu | | [03] Sia đời; Bố sung làn thứ []

005/ Tên người nộp thuế:..

'06/ Mã số thuế:

Dòng tiền: Loại ngoại tệ														
Số:														
STT	Ký hiệu mẫu số hóa đơn.	Số hóa đơn	Tên người mua	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Mã số thuế người mua/mã khách hang	Mật hàng	Số lượng hang hoa	Tổng giá trị hang hoá, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán	Trạng thái	Thông tin hóa đơn liên quan	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
X				1/1/2020	Nguyễn A					100		Mới		
W				1/1/2020	Nguyễn D					10		Mới		
Z				1/1/2020	Nguyễn C					30		Sửa thông tin trên	Z1	

A	1	1/1/2020	Nguyễn B	
B	5		Nguyễn C	
				Hủy

Tội cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NỢP THUÉ
(Chữ ký số của người nộp thue)

卷之三

TỜ KHAI
DỮ LIỆU HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm hoặc quý năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ bán ra			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTG T	Ghi chú
	Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):							
	Tổng							
2.	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
	Tổng							
3.	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
	Tổng							
4.	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
	Tổng							

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

... ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 67 của dòng tổng của các chi tiêu 2, 3, 4.

(**) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 78 của dòng tổng của các chi tiêu 2, 3, 4.

Mẫu số 03A/DL-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

DỮ LIỆU HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm hoặc quý năm

[02] Tên người nộp thuế:
[03] Mã số thuế:
[04] Tên đại lý thuế (nếu có):
[05] Mã số thuế:
[06] Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ bán ra						Ghi chú
	Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu bán hàng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
		Tổng hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ					
		Tổng					

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số: 04/SS-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP CÓ SAI SỚT

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:.....

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử **đã lập có sai sót** như sau:

STT	Mã CQT cấp	Ký hiệu mã hóa đơn và ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/Điều chỉnh/Thay thế/ Thông báo/ Giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8

Ghi chú: (2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống.

(7) Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện theo khoản 1 Điều 19 thì lựa chọn **HỦY**

Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 19 thì lựa chọn **Thông báo**

Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện theo khoản 4 Điều 19 thì lựa chọn **Giải trình**

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số của người nộp thuế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ KIÊM TỜ KHAI
 THUẾ**

(Theo từng lần phát sinh)

[0] Cấp mới [] [02] Điều chỉnh []

Kính gửi:.....

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TÙNG LÀN PHÁT SINH

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:.....

Điện thoại liên hệ:.....

3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):

Cấp ngày: Cơ quan cấp:.....

4. Mã số thuế (nếu có):.....

5. Tên người nhận hóa đơn **đại diện theo pháp luật hoặc tên chủ, hộ cá nhân kinh doanh**:.....

6. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người ~~đi nhận hóa đơn đại diện theo pháp luật~~.....

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

**II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG
 DỊCH VỤ**

STT	Tên người mua	Địa chỉ người mua	MST	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất thuế GTGT	Số thuế phải nộp (*)			
										Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số													

1. Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

2. Tên người mua hàng hóa, dịch vụ:.....

3. Địa chỉ người mua hàng hóa, dịch vụ:.....

4. Mã số thuế người mua hàng hóa, dịch vụ:.....

5. Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có):.....

6. Doanh thu phát sinh:.....

(9) Trường hợp hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng thì thành tiền = Đơn giá * số lượng; trường hợp hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng thì thành tiền là chưa có thuế GTGT = Đơn giá (chưa có thuế GTGT) * Số lượng.

(11) Đối với tổ chức sử dụng hóa đơn bán hàng Số thuế GTGT = Doanh thu tính thuế GTGT * Tỷ lệ thuế GTGT; đối với tổ chức sử dụng hóa đơn GTGT: Số thuế GTGT = Doanh thu tính thuế GTGT * thuế suất thuế GTGT

(12) Đối với tổ chức sử dụng hóa đơn bán hàng: Thuế TNDN = Doanh thu tính thuế TNDN * Tỷ lệ thuế TNDN; đối với tổ chức sử dụng hóa đơn GTGT để trống.

(13): Số thuế TNCN phải nộp = Doanh thu tính thuế TNCN * tỷ lệ thuế TNCN

(14) Thuế khác áp dụng với:

+ trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn có nhu cầu cấp hóa đơn điện tử;

+ Các loại thuế khác (nếu có)

III. THÔNG TIN HÓA ĐƠN BIÊU CHỈNH

1. Thông tin hóa đơn bị điều chỉnh:

(9) Trường hợp hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng thì thành tiền = Đơn giá * số lượng; trường hợp hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng thì thành tiền là chưa có thuế GTGT = Đơn giá (chưa có thuế GTGT) * Số lượng.

2. Nội dung cần điều chỉnh

Chi tiêu cần điều chỉnh	Thông tin điều chỉnh
Tên hàng hóa, dịch vụ	
Đơn vị tính	
Số lượng	
Đơn giá	
Thuế suất	
Thành tiền chưa có thuế GTGT	
Tiền thuế	
Tổng tiền có thuế GTGT	
Chi tiêu khác	

3. Thông tin số thuế:

STT	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số thuế đã nộp (*)			Số thuế điều chỉnh				
		Số hóa đơn	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN

Chúng tôi xin cam kết:

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN

(Áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh mua hóa đơn giấy của cơ quan Thuế)

[01] Kỷ tính thuế: Cử tùng làm khi xày ra sự có

Quý.....năm.....

[02] Ngữ Rời Nôn Thuế

[03] MÃ SỐ THIẾT

104 | Dia chi

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THIẾ

Họ và tên:
Chúmng chí hành nghề số:

.....ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng biên lai chứng từ điện tử**

- Đăng ký mới
 Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:.....	
Mã số thuế:.....	
Cơ quan thuế quản lý:.....	
Người liên hệ:.....	Điện thoại liên hệ:.....
Địa chỉ liên hệ:.....	Thư điện tử:.....

Theo Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2020 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng **chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử/biên lai chứng từ điện tử**. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng **chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử/biên lai chứng từ điện tử** như sau:

1. Hình thức biên lai chứng từ:

- Tổ chức, cá nhân phát hành
 Đơn vị cơ quan thuế phát hành

2. Loại hình sử dụng **Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử**

- Biên lai đặt in**
 Biên lai tự in

 Biên lai hóa đơn Chứng từ điện tử

(**Ghi chú:** - Nếu cụ thể từng loại, mỗi loại có máy liên, chức năng sử dụng của từng liên, số lượng từng loại **Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử/biên lai** Chứng từ, ký hiệu từ số... đến số....

- Đối với **Biên lai đặt in** ghi rõ: Số biên lai này được đặt in tại ... (ghi rõ tên nhà in) và đăng ký sử dụng tại địa phương từ ngày

- Đối với **biên lai tự in** ghi rõ: Số biên lai này đăng ký sử dụng tại địa phương, từ ngày

- **Tên hệ thống thiết bị** (máy tính, máy in, phần mềm ứng dụng) dùng để in biên lai; bộ phần kỹ thuật hoặc tên nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật tự in biên lai thu tiền phí, lệ phí.

- Đối với **Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử/biên lai** chứng từ điện tử ghi rõ: Tên phần mềm hoặc giải pháp tạo **biên lai** chứng từ điện tử; tên nhà cung cấp giải pháp **biên lai** chứng từ thu tiền phí, lệ phí điện tử.)

3. Hình thức gửi dữ liệu **Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử/biên lai chứng từ điện tử:**

- a. (1) Trên Công thông tin điện tử của cơ quan thuế

- b. Trên Cổng dịch vụ công quốc gia
- c. Trên hệ thống ứng dụng thanh toán điện tử của ngân hàng
- d. Thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
- e. **Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử**

4. Loại Biên lai chứng từ sử dụng:

- Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử**
- Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá
- Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá
- Biên lai thu phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá
- Biên lai thu phí, lệ phí in sẵn mệnh giá
- Biên lai thu phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính

5. Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số của người nộp thuế)

Mẫu số: BC26/BLĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ
Kỳ tính thuế: Quýnăm.....

1. Tên đơn vị:.....
 2. Mã số thuế (nếu có):.....
 3. Địa chỉ:.....

~~Đơn vị tính: số~~

STT	Tên loại biên lai	Ký hiệu mẫu biên lai	Ký hiệu biên lai	Số biên lai sử dụng trong kỳ		
				Tổng số sử dụng	Hủy	
				Tổng số	Từ số	Đến số
1	2	3	4	5	6	7

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VI

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: BC26/BLG

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ
Quý....., năm.....

1. Tên đơn vị.....
2. Mã số thuế (nếu có).....
3. Địa chỉ:

Đơn vị tính: số

STT	Tên loại Ký hiệu biên lai mẫu hiệu biên lai lai	Số tồn đầu kỳ, nhận/mua/phát hành trong kỳ		Số sử dụng, xoá bỏ, mất, cháy, hỏng trong kỳ				Trả lại Cơ quan Thuế				Tồn cuối kỳ													
		Số tồn đầu kỳ	Số nhận/mua/p hát hành trong kỳ	Tổng số sử dụng, xoá bỎ, mất, cháy, hỏng		Trong đó Xoá bỏ cháy, hỏng		Mất, cháy, hỏng		Số lượng		Số lượng		Từ số đến số											
				Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số										
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ghi chú: Cột 18,19 không áp dụng đối với biên lai thu thuế
Cột 20,21,22 không áp dụng đối với biên lai thu phí, lệ phí

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI LẬP BIẾU
(Ký, ghi rõ họ, tên)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CÁP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....-/TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/
thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:....)

(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử ngày..../..../20...

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận doanh nghiệp đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử). Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-HĐCTĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử>

Kính gửi:

<Tên người nộp thuế: ...>

<Ma số thuế của NNT: ...>

<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử>

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01/DKTD-HĐĐT Ban hành kèm theo Nghị định số... ND-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....
- Mã giao dịch điện tử:.....

Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Trong thời gian 042 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai ghi trên thông báo này, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu 01/TB-DKDT ban hành kèm theo Nghị định số.... về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử>

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01/DKTD-HĐĐT Ban hành kèm theo Nghị định số... ND-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....
- Mã giao dịch điện tử:.....

- Lý do không tiếp nhận:.....

<Trường hợp 3: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử>

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Ban hành kèm theo Nghị định số.../ND-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Trong thời gian 042 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai ghi trên thông báo này, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu 021/TB-DKDT ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.... về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 4: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử>

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Ban hành kèm theo Nghị định số.../ND-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

- Lý do không chấp nhận:.....

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu <> nhằm mục đích giải thích rõ.

NNT chọn trường hợp thông báo tương ứng.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: /TB-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Thông báo số..... ngày..... của (Cơ quan chức năng gửi thông báo tới cơ quan Thuế thuộc trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định) thông báo doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh do:

(Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo về việc.....với(Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn: ... (ghi rõ lý do các trường hợp tại điểm a Khoản 2 Điều 16 Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ)

Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực kể từ ... giờ ... phút ... giây ngày .../.../....

Người nộp thuế sử dụng hóa đơn kể từ thời điểm thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực thi hành thì được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại điểm Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Nơi nhận:

- ... (Tên người nộp thuế)... (để thực hiện);
- Cơ quan hải quan (nếu có);
- Phòng/Dội (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử Tổng cục Thuế;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế;
-;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN

HÀNH VĂN BẢN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

Số: /TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử
có mã của cơ quan thuế không phải trả thù tiền dịch vụ và chuyển sang thông qua
Công thông tin điện tử Tổng cục Thuế hoặc qua ủy thác tổ chức cung cấp
dịch vụ về hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử
dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử
dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền

Kính gửi: (Người nộp thuế:....)
(Mã số thuế:....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế..... (MST:.....) kể từ ngày.... tháng... năm.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả thù tiền dịch vụ thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/ hoặc qua ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác/ không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế)/không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP

Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 06 nhóm vấn đề. Bộ Tài chính xin đánh giá tác động của từng nhóm vấn đề sửa đổi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ điện tử và bổ sung quy định quản lý chứng từ trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược

1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về giải thích từ ngữ, nguyên tắc lập quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Hiện hành tại Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về “Giải thích từ ngữ” chưa có quy định về: khái niệm để giải thích “hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”, “máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”. Ngoài ra theo chức năng, nhiệm vụ được giao thì Bộ Tài chính được hướng dẫn, quản lý giám sát việc thu thuế đối với hoạt động kinh doanh casnio, trò chơi điện tử có thưởng nhưng chưa có quy định về chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược.

Tại Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ chưa quy định rõ việc lập hóa đơn trong trường hợp người mua trả lại hàng, người bán chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ; chưa có quy định nguyên tắc lập chứng từ ghi nhận giao dịch của hoạt động kinh doanh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, không có quy định cụ thể về chương trình “Hóa đơn may mắn”,

Đánh giá tác động:

Bổ sung các khái niệm giải thích “hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”, “máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế” và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược sẽ tạo căn cứ pháp lý trong việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ Máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế và quy định về chứng từ nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh

giải trí có đặt cược giúp Bộ Tài chính quản lý, giám sát việc thu thuế đối với hoạt động kinh doanh casino, về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Nội dung sửa đổi, bổ sung về nguyên tắc lập quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ quy định rõ ràng hơn về thời điểm lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ; trường hợp tạm xuất tái nhập, tạm nhập tái xuất nguyên vật liệu, thành phẩm, máy móc, công cụ, dụng cụ; hàng tiêu dùng nội bộ mang tính chất luân chuyển nội bộ phải lập hóa đơn. Quy định đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế tạo thuận lợi cho NNT và phục vụ công tác quản lý thuế của cơ quan thuế.

Quy định hóa đơn và Biên lai thu phí, lệ phí có thể được khởi tạo trên cùng 1 định dạng điện tử giúp giảm thủ tục hành chính cho NNT và tổ chức thu phí, lệ phí.

Quy định việc chuyển dữ liệu hóa đơn, của các giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược giúp phục vụ công tác quản lý, giám sát của Bộ Tài chính với các hoạt động kinh doanh này.

Quy định bổ sung căn cứ pháp lý cho nguồn chi trả từ NSNN cho chương trình Hóa đơn may mắn làm cơ sở để cơ quan thuế các cấp triển khai rộng rãi chương trình Hóa đơn may mắn từ đó giúp người tiêu dùng có ý thức trong việc lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về loại hóa đơn, thời điểm lập hóa đơn, nội dung hóa đơn

Hiện hành tại Điều 8 quy định về loại hóa đơn đã có quy định loại hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất (DNCX) tuy nhiên chưa quy định rõ việc sử dụng hóa đơn trong trường hợp DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất.

Tại Điều 9 quy định về thời điểm lập hóa đơn chưa quy định rõ thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; quy định lập hóa đơn sau khi có đối soát giữa các bên chưa có hướng dẫn đối với cung cấp hàng hóa số lượng lớn, thường xuyên, các hoạt động cũng cần phải có đối soát như chứng khoán, bảo hiểm, xổ số điện toán...; chưa quy định rõ thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh tại các tổ chức tín dụng (như thu lãi vay, bán ngoại tệ...), hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng; quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô, bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua chưa phù hợp với thực tế phát sinh; quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống, vận tải taxi cần được rà soát phù hợp với việc triển khai HĐĐT từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; chưa quy định rõ việc lập hóa đơn của cơ sở khám chữa bệnh với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Tại Điều 10 quy định về nội dung hóa đơn chưa quy định rõ về: số thứ tự của hóa đơn trong trường hợp người bán sử dụng dịch vụ HĐĐT của nhiều tổ chức khác nhau; thể hiện mã số định danh cá nhân trên hóa đơn; chưa quy định rõ nội dung của hóa đơn kinh doanh vận tải nên khó kiểm soát gian lận; việc lập bảng kê kèm theo hóa đơn, lập hóa đơn trong trường hợp chênh khấu thương mại và chưa quy định về khoảng thời gian giữa thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số nên có trường hợp người bán lập hóa đơn nhưng 1 tuần, 1 tháng sau mới ký số trên hóa đơn để gửi cho người mua và cơ quan thuế; chưa quy định rõ về tỷ giá ghi trên hóa đơn, về nội dung hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế đối với CSKD có bán hàng hoàn thuế cho người nước ngoài.

Đánh giá tác động:

Qua rà soát thực tế, một số doanh nghiệp chế xuất ngoài hoạt động chế xuất còn có hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vào thị trường nội địa. Tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp chế xuất có các hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất thì phải hạch toán riêng và kê khai nộp thuế theo quy định pháp luật. Do đó, đề xuất bổ sung nội dung hướng dẫn sử dụng hóa đơn trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất theo hướng nếu hoạt động ngoài hoạt động chế xuất kê khai nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thì doanh nghiệp chế xuất sử dụng hóa đơn GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 8. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất theo hướng nếu hoạt động ngoài hoạt động chế xuất kê khai nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì DNCX sử dụng hóa đơn bán hàng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 quy định về thời điểm lập hóa đơn quy định rõ ràng hơn thời điểm lập hóa đơn của hoạt động xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ ra nước ngoài; thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động thu lãi tiền vay, đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần, đầu tư chứng khoán nợ,...giúp NNT rõ ràng hơn trong quá trình thực hiện, tránh rủi ro dẫn đến bị xử phạt.

Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 quy định về nội dung hóa đơn cụ thể như sau:

- Hướng dẫn về ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn trường hợp người nộp thuế sử dụng dịch vụ HĐĐT của nhiều tổ chức cung cấp.
- Bổ sung quy định về mã số định danh của người mua để đảm bảo định danh được người mua trên hóa đơn.
- Bổ sung quy định kinh doanh vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến), cự li chuyến đi tính theo km. Hóa đơn bán lẻ xăng dầu phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải.

- Hướng dẫn những trường hợp cung cấp dịch vụ cần phải đối soát trước khi lập hóa đơn thì hóa đơn được đính kèm theo Bảng kê, khi bán hàng hóa thì không được lập bảng kê kèm theo hoá tạo thuận lợi cài cách thủ tục cho người nộp thuế giảm bớt số lượng hóa đơn, chứng từ khi cung cấp nhiều dịch vụ cho 01 khách hàng, đối với bán hàng hóa thì không được lập bảng kê kèm theo hóa đơn để hạn chế gian lận trong việc sử dụng hóa đơn.

- Hướng dẫn rõ việc ghi chiết khấu thương mại trên hóa đơn giúp các doanh nghiệp thực hiện rõ ràng – tránh rủi ro sai sót lập hóa đơn dẫn đến khai sai thuế ở cả hai phía người bán và người mua.

- Hướng dẫn thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số trên hóa đơn cách nhau tối đa không quá 24h tạo thuận lợi cho công tác xử lý hóa đơn của NNT và là cơ sở để cơ quan thuế quản lý rủi ro khi phát hiện những hóa đơn có khoảng thời gian giữa thời điểm ký số và thời điểm lập hóa đơn quá xa nhau.

- Hướng dẫn về tỷ giá ghi trên hóa đơn để thống nhất cách áp dụng tỷ giá.

- Bổ sung quy định về hóa đơn do người nộp thuế lập cho hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua, chữ ký điện tử người mua.

- Bổ sung quy định về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế giúp các doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT cũng như cơ quan hải quan, ngân hàng thuận lợi trong quá trình áp dụng.

- Các quy định sửa đổi, bổ sung nêu trên minh bạch, dễ hiểu, phù hợp thực tế giúp doanh nghiệp, tổ chức tuân thủ pháp luật về hóa đơn.

1.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

Hiện hành tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế chỉ quy định nguyên tắc, chưa quy định rõ trường hợp áp dụng (các nhóm ngành, nghề) cũng như nội dung HĐĐT từ máy tính tiền, việc xử lý HĐĐT từ máy tính tiền đã lập có sai sót.

Dánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định đối tượng áp dụng cũng như nhóm ngành nghề sẽ phải sử dụng hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế tạo thuận lợi để cơ quan thuế cũng như người nộp thuế triển khai áp dụng, đồng thời cũng tạo cơ sở để các tổ chức cung cấp dịch vụ thiết lập phần mềm.

1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng HĐĐT

Tại Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử, các trường hợp được cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh và việc áp dụng HĐĐT trong một số trường hợp.

Thực tế phát sinh trường hợp doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có ngành nghề thuộc diện được áp dụng HĐĐT không có mã và hoạt động kinh doanh khác thì quy định hiện hành chưa hướng dẫn rõ việc áp dụng HĐĐT, ngoài ra thực tế có trường hợp doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án thì cần đưa vào diện áp dụng HĐĐT theo từng lần phát sinh để cơ quan thuế kiểm soát quản lý. Thủ tục cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh chưa rõ về việc kê khai, nộp thuế cũng như việc xử lý sai sót.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định minh bạch về điều kiện sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế giúp các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh thuận lợi trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

Quy định “doanh nghiệp làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án”, “hộ kinh doanh sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua”, “doanh nghiệp chế xuất bán, thanh lý tài sản vào thị trường nội địa” sử dụng hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh giúp cơ quan thuế quản lý rủi ro trong việc sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, hạn chế và phòng ngừa gian lận.

1.5. Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý HĐĐT đã lập có sai sót và chuyển dữ liệu hóa đơn giấy mua của cơ quan thuế trong trường hợp hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gấp trực trặc.

Hiện hành tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý HĐĐT đã lập có sai sót không quy định việc xử lý hóa đơn trường lập trùng, phát sinh việc trả lại hàng hóa, hủy cung cấp dịch vụ. Thực tế phát sinh trường hợp người mua, người bán đã kê khai thuế sau đó mới phát hiện hóa đơn điện tử đã lập có sai sót; trường hợp người bán tự ý hủy, thay thế hóa đơn gây ảnh hưởng đến người mua. Tại Điều 20 quy định về xử lý sự cố hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chưa có quy định chuyển dữ liệu hóa đơn giấy mua của cơ quan thuế trong trường hợp hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gấp trực trặc.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định một hóa đơn được điều chỉnh, thay thế cho nhiều hóa đơn và quy định các hóa đơn đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không có sai sót nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng thì có được xử lý như HĐĐT đã lập có sai sót góp phần làm giảm khối lượng công việc của người nộp thuế, giảm chi phí công tác

kế toán; quy định về xử lý hóa đơn khi phát hiện hóa đơn điện tử lập sai đối với trường hợp người bán, người mua chưa kê khai hoặc đã kê khai thuế.

Bổ sung quy định xử lý hóa đơn với trường hợp hóa đơn đã lập không có sai sót nhưng sau khi quyết toán, thanh toán thực tế có sự thay đổi về giá trị, khối lượng; hóa đơn lập trùng; trường hợp đã lập HĐĐT nhưng sau đó các bên hủy, không thực hiện giao dịch cung cấp dịch vụ; trường hợp HĐĐT đã lập, sau đó người mua trả lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa; trường hợp hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ của các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán.

Quy định trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 01/SS-HĐĐT (đối với hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót nhưng chưa gửi cho người mua) thì hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý góp phần làm giảm khối lượng công việc của cán bộ thuế, cơ quan thuế.

2. Bổ sung quy định liên quan giải pháp pháp nhắm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và trong quá trình sử dụng HĐĐT, quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Hiện hành tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Thực tế áp dụng HĐĐT thời gian qua phát sinh trường hợp do việc đăng ký thành lập doanh nghiệp quá dễ nên một số đối tượng thành lập doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chỉ lấy pháp nhân sau đó đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua mạng và thực hiện hành vi bán không hóa đơn điện tử. Qua rà soát dữ liệu hóa đơn điện tử trong công tác quản lý thuế, cơ quan thuế đã phát hiện nhanh một số trường hợp xuất HĐĐT với doanh số lớn “đột biến”, ngoài ra cơ quan cảnh sát điều tra tại một số tỉnh cũng đã thực hiện điều tra một số vụ án liên quan gian lận xuất hóa đơn điện tử không.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định nếu đơn vị trực thuộc đáp ứng quy định khai thuế GTGT riêng theo phương pháp khấu trừ thì đơn vị trực thuộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử riêng; trường hợp tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập tư cách pháp nhân riêng được sử dụng mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; Cục Thuế các tỉnh, thành phố sử dụng hóa đơn điện tử khi bán tem điện tử hoặc bán các chứng từ khác thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và lập hóa đơn điện tử trực tiếp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Quy định này giúp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

Tại Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP đã quy định 07 (bảy) trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT, thực tế trong thời gian qua đã phát sinh một số vụ án gian lận trong quá trình sử dụng HĐĐT liên quan hoàn thuế GTGT.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định: trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế xác định doanh nghiệp được thành lập để mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế ban hành quyết định ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyên đổi sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh thì không thuộc trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử mà phải ngừng sử dụng hóa đơn điện tử sau đó chuyên sang áp dụng HĐĐT theo từng lần phát sinh giúp tăng hiệu quả quản lý của cơ quan thuế, ngăn chặn kịp thời các hành vi bán HĐĐT không có mã để phát sinh trên diện rộng và giảm thiểu rủi ro trong quá trình quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử của các hộ kinh doanh.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Hiện hành tại Điều 21 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của người bán trong việc sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế, Điều 22 quy định về trách nhiệm của người bán trong việc sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

Quy định tại Điều 22 chưa nêu rõ số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng bao nhiêu là lớn (hóa đơn sử dụng mỗi tháng/mỗi năm) để đáp ứng điều kiện kết nối trực tiếp với cơ quan thuế. Do đó cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để Cục Thuế địa phương có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký kết nối trực tiếp của doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp đăng ký thực hiện kết nối trực tiếp, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế. Ngoài ra chưa có quy định về trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT đối với người mua dịch vụ và đối với cơ quan thuế.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định rõ số lượng hóa đơn mà các doanh nghiệp sử dụng là 100.000 hóa đơn/tháng thì sẽ đáp ứng điều kiện kết nối trực tiếp với cơ quan thuế góp phần làm minh bạch điều kiện kết nối, giảm tải lượng doanh nghiệp kết nối trực tiếp đến hệ thống HĐĐT của cơ quan thuế để tránh rủi ro trong quá trình thực hiện.

Sửa đổi Điều 21 theo hướng quy định trách nhiệm chung của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng HĐĐT mà không cần tách thành 2 Điều riêng phân biệt hai trường hợp sử dụng HĐĐT có mã, không có mã.

Sửa đổi Điều 22 theo hướng quy định trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT đối với người mua dịch vụ và đối với cơ quan thuế.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về biên lai, chứng từ

Hiện hành tại các Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 đang quy định về biên lai, chứng từ điện tử và biên lai, chứng từ đặt in của cơ quan thuế, của tổ chức thu phí, lệ phí.

Vướng mắc phát sinh: Chưa có quy định về định dạng của biên lai, chứng từ điện tử; chưa có quy định về chuyển dữ liệu chứng từ điện tử về cơ quan thuế; quy định về đăng ký, sử dụng chứng từ thuế TNCN; quy định về chuyển dữ liệu chứng từ khâu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế; về xử lý chứng từ điện tử đã lập có sai sót. Tại Điều 35, 36 chưa quy định rõ trường hợp: Cục Thuế tạo biên lai thu thuế theo hình thức đặt in cấp cho các Chi cục Thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu để thực hiện thu thuế; biên lai phải theo đúng mẫu, được đóng thành quyển, mỗi quyển có 50 số; chưa quy định việc hủy các bản in, bản kẽm, các sản phẩm in thừa, in thử trước khi thanh lý hợp đồng đặt in biên lai; chưa quy định về thủ tục, hồ sơ, giấy tờ khi cơ quan thuế bán biên lai cho tổ chức thu phí, lệ phí; chưa có quy định về việc lập thông báo phát hành trong việc cấp biên lai lần đầu.

Đánh giá tác động:

Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định về biên lai, chứng từ quy định về kết nối chuyển dữ liệu biên lai điện tử và quy định về định dạng và kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử khâu trừ thuế TNCN; quy định về thủ tục hành chính đối với chứng từ khâu trừ thuế TNCN góp phần nâng cao hiệu quả quản lý các loại chứng từ liên quan đến công tác quản lý thuế của cơ quan thuế là chứng từ khâu trừ thuế và biên lai thu phí, lệ phí. Đảm bảo tất cả các dữ liệu biên lai, chứng từ điện tử đều phải theo định dạng dữ liệu chuẩn và kết nối chuyển về cơ quan thuế.

Bổ sung Điều 34a về xử lý chứng từ điện tử đã lập có sai sót tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Sửa đổi, bổ sung Điều 35 về trường hợp đặt cơ quan thuế, tổ chức thu phí, lệ phí đặt in biên lai. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 quy định về việc lập thông báo phát hành trong việc cấp biên lai lần đầu.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Hiện hành, từ Điều 46 đến Điều 54 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT. Theo đó, Tổng cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin hóa đơn điện tử đối với đề nghị của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước cấp Trung ương. Cục Thuế, Chi cục Thuế cung cấp thông tin đối với đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp. Đối với

trường hợp bên sử dụng thông tin đã ký quy chế trao đổi thông tin và có đăng ký với Tổng cục Thuế thì Tổng cục Thuế sẽ cấp tài khoản để bên sử dụng thông tin truy cập vào Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin.

Vấn đề phát sinh: Thực tế đã có trường hợp bên sử dụng thông tin có văn bản yêu cầu Tổng cục Thuế cung cấp 30 tài khoản để truy cập Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin trên Công thông tin điện tử. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các điều khoản quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT để đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Công thông tin điện tử, và đồng thời đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin của bên sử dụng thông tin. Ngoài ra, quy định hiện hành chưa quy định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tố tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài nên quá trình thực hiện có vướng mắc.

Danh giá tác động:

Sửa đổi, bổ sung các điều khoản quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT sẽ góp phần đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Công thông tin điện tử; đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin của bên sử dụng thông tin; đảm bảo quá trình công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tố tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài.

6. Sửa đổi, bổ sung Biểu Mẫu quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Sửa Mẫu 01/DKTĐ-HĐĐT: Tờ khai đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.

Sửa Mẫu 04/SS-HĐĐT: Thông báo HĐĐT đã lập sai

Sửa Mẫu 01/TH-HĐĐT: Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

Sửa Mẫu 03/DL-HĐĐT: Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Sửa Mẫu 01/TB-TNĐT: Thông báo về việc tiếp nhận/ không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử>.

Sửa Mẫu 01/TB-DKDT: Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/ biên lai điện tử.

Sửa Mẫu 01/ĐKĐT-BL: Tờ khai đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng biên lai.

Sửa Mẫu 06/ĐN-PSĐT: Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh.

Sửa Mẫu số 01/TB-KTT: Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và chuyển sang thông qua Công

thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

Sửa Mẫu BC26/HĐG: Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn

Sửa Mẫu BC26/BLG: Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí

Bổ sung Mẫu 01/TB-NSDHD: Thông báo NTT ngưng sử dụng HĐĐT.

Bổ Mẫu BC26/BLĐT: Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí

Đánh giá tác động: Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định về Mẫu biểu nêu trên giúp thủ tục hành chính rõ ràng, minh bạch trong quá trình thực hiện và giúp cơ quan thuế có đủ thông tin để quản lý thuế.

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP

I. Kết quả thực hiện

Thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, căn cứ Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính xác định triển khai hoá đơn điện tử là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng của ngành tài chính nhằm thúc đẩy trong chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, chuyển đổi số đối với cơ quan thuế cũng như trong các cơ quan nhà nước khác vì đây là lần đầu tiên ngành tài chính xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin phục vụ việc lập, cấp mã, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử hoạt động 24h/7ngày. Việc triển khai hoá đơn điện tử sẽ góp phần chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, phương thức quản lý, tổ chức thực hiện của cơ quan thuế theo hướng tự động nhằm cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi, giảm chi phí, tăng năng suất hoạt động của doanh nghiệp. Do đó Bộ Tài chính đã tập trung xây dựng hệ thống văn bản QPPL hướng dẫn cùng với việc ban hành các quy trình, quyết định hướng dẫn về hóa đơn điện tử, đồng thời có giải pháp để tổ chức triển khai cụ thể như:

1. Về việc xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn:

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Đồng thời Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã ban hành các Quy trình, Quyết Định số 1447/QĐ-TCT ngày 5/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử; công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử, định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế và quy trình quản lý hóa đơn điện tử. Các văn bản này là cơ sở để cơ quan thuế các cấp quản lý việc sử dụng HĐĐT và là cơ sở để các doanh nghiệp, các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT xây dựng phần mềm để áp dụng thực tế.

2. Về việc tổ chức triển khai áp dụng:

Với quyết tâm kiên quyết triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên cả nước, đảm bảo đến ngày 1/7/2022 100% các doanh nghiệp trên cả nước đều phải áp dụng HĐĐT, ngay từ tháng 11 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết

định triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 1 tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định) và có các văn bản gửi Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố Quyết định số 1830/QĐ-BTC, 1831/QĐ-BTC, 1832/QĐ-BTC, 1833/QĐ-BTC, 1838/QĐ-BTC, 1839/QĐ-BTC ngày 20/09/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc áp dụng hóa đơn điện tử từ tháng 11/2021 tại địa bàn 6 tỉnh, thành phố; công văn số 10847/BTC-TCT gửi Ủy ban nhân dân 6 tỉnh, thành phố đề nghị phối hợp triển khai HĐĐT.

Trên cơ sở kết quả, kinh nghiệm triển khai giai đoạn 1, đến tháng 2/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 24/2/2022 về việc triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 2 tại 57 tỉnh, thành phố. Qua đó, tiếp tục triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 2 tại 57 tỉnh, thành phố còn lại. Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ công bố triển khai hệ thống HĐĐT trên toàn quốc (ngày 21/4/2022), Bộ Tài chính đã chỉ đạo Cục thuế các tỉnh, thành phố: báo cáo UBND tỉnh để thành lập Ban chỉ đạo triển khai HĐĐT tại 63 tỉnh, thành phố do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban. Tại cơ quan Tổng cục Thuế (cấp trung ương) đã thành lập Trung tâm điều hành và hỗ trợ triển khai hóa đơn điện tử và tất cả các địa phương đều thành lập Trung tâm điều hành hóa đơn điện tử với mục tiêu tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp kịp thời các yêu cầu phát sinh trong quá trình triển khai thông qua hệ thống đường dây nóng qua các số điện thoại hỗ trợ, kênh hỗ trợ điện tử thông qua email hỏi đáp về hóa đơn điện tử: duongdaynonghddt@gdt.gov.vn giúp NNT gửi các câu hỏi vướng mắc về hóa đơn điện tử để Tổng cục Thuế trả lời.

3. Công tác tuyên truyền về hóa đơn điện tử:

- Công TTĐT Tổng cục Thuế và Công TTĐT của 63 Cục Thuế địa phương liên tục cập nhật, phổ biến các quy định, quy trình, hướng dẫn về hóa đơn điện tử; các văn bản giải đáp vướng mắc của NNT; viết tin, bài phản ánh hoạt động của cơ quan thuế; đăng tải các thông cáo báo chí để công khai các thông tin về chính sách hóa đơn điện tử cũng như kết quả triển khai hoạt động của cơ quan thuế.

- Công tác phối hợp tuyên truyền với các báo điện tử, xây dựng chuyên mục tuyên truyền riêng về hóa đơn điện tử trên một số báo điện tử lớn như Thời báo Tài chính VN, Công Thông tin điện tử Chính phủ, Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp điện tử, báo Điện tử VTC news,... được tăng cường và mang lại nhiều hiệu ứng thông tin tích cực cho cộng đồng người dân và doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền hóa đơn điện tử trên Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói được chú trọng. Các chương trình chuyên mục về thuế được xây dựng với kịch bản kỹ càng, truyền tải thông điệp về chính sách thuế hiện hành theo hướng gần gũi, dễ hiểu. Một số chương trình điện hình là “Thuế và Đời sống” được phát sóng trên Kênh VTV1; “Thuế Nhà nước” trên Truyền hình Nhân dân, Truyền hình kỹ thuật số VTC; truyền hình Thông tấn xã. Trên Đài Tiếng nói Việt Nam, các chương trình tuyên truyền về hóa đơn điện tử được phát sóng trong khung giờ cao

điểm dưới nhiều hình thức tuyên truyền như tin, bài, tọa đàm chuyên sâu, phóng sự...

- Ở các địa phương, công tác phối hợp tuyên truyền hóa đơn điện tử trên Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói địa phương cũng được triển khai đồng bộ được thực hiện trên các đài truyền hình địa phương và các tin, bài được phát sóng trên hệ thống phát thanh của các địa phương.

- Hầu hết cơ quan thuế các cấp đều có tài khoản mạng xã hội: Cấp Tổng cục Thuế có trang fanpage, kênh youtube; bên cạnh kênh tuyên truyền là fanpage và kênh youtube, rất nhiều Cục Thuế có kênh Zalo riêng như Vĩnh Phúc, Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Yên Bái,... Thực tế công tác triển khai tuyên truyền cho thấy, mạng xã hội là một phương thức tuyên truyền rất hiệu quả bởi tính kịp thời và thuận tiện của nó. Thông tin từ cơ quan thuế được chuyển trực tiếp tới NNT thông qua tài khoản Zalo cụ thể của NNT, NNT không mất thời gian tra cứu, tìm hiểu mà tiếp nhận thông tin một cách chính thống từ cơ quan quản lý thuế.

Tại Tổng cục Thuế đã tổ chức Chương trình hỗ trợ trực tuyến về hóa đơn điện tử, cụ thể:

- Chương trình được tổ chức ngày 15/6/2022 với số lượng câu hỏi tiếp nhận qua Cổng TTĐT là 797 câu hỏi, đã trả lời và đăng tải 147 câu trả lời, đáp ứng 80% nội dung của NNT gửi đến.

- Livestream trên fanpage facebook của Tổng cục Thuế hướng dẫn những lưu ý quan trọng trong sử dụng hóa đơn điện tử và giải đáp một số vướng mắc của NNT. Kết quả là tổng số lượng người xem trực tiếp là hơn 8.400 lượt, gần 2.000 bình luận tương tác, hơn 2.300 lượt chia sẻ, số lượng người tiếp cận là hơn 80.000 người.

Kết quả đến ngày 01/7/2022, 100% tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng hóa đơn trên toàn quốc đã chuyển đổi sang sử dụng hóa đơn điện tử. Tính đến ngày 30/6/2023, đã có hơn ... tỷ hóa đơn điện tử có mã, không có mã được doanh nghiệp, cá nhân lập và gửi đến hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

4. Triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn”:

Triển khai Luật Quản lý thuế năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Thông tư số 78/2021/TT-BTC, để khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, Tổng cục Thuế đã thực hiện thí điểm chương trình “Hóa đơn may mắn” 02 đợt trên cơ sở dữ liệu HĐĐT có mã của cơ quan thuế của giai đoạn 1 triển khai HĐĐT tại 06 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Định).

Ngày 29/4/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có thư gửi Đồng chí Bí thư các tỉnh, thành ủy và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố, trong đó có nội dung: “...Bộ

Tài chính đã giao Tổng cục Thuế chỉ đạo Cục Thuế các tỉnh, thành phố xây dựng Đề án quay thưởng từ lựa chọn ngẫu nhiên số hóa đơn điện tử có mã, báo cáo các cấp chính quyền địa phương để triển khai thực hiện trên địa bàn. Bộ Tài chính đề nghị đồng chí quan tâm, chỉ đạo và ủng hộ chủ trương này, góp phần thúc đẩy người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, tạo sự minh bạch trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tránh thất thu cho Ngân sách Nhà nước.”

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính về việc tiếp tục triển khai Chương trình “Hóa đơn may mắn” để khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế, Tổng cục Thuế ban hành công văn số 3199/TCT-DNNCN ngày 29/8/2022 và công văn số 3700/TCT-CNTT ngày 07/10/2022 về triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn” và xây dựng, triển khai phần mềm hóa đơn may mắn tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Theo đó, các Cục Thuế chủ động tổ chức triển khai các nội dung gồm: phối hợp với các cơ quan Tuyên giáo, cơ quan thông tấn báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, chi nhánh/văn phòng đại diện của VCCI để tổ chức tuyên truyền, phổ biến lợi ích của việc lấy hóa đơn và mục tiêu của chương trình “Hóa đơn may mắn” đến toàn thể người dân trên địa bàn; Thành lập Hội đồng giám sát để tổ chức chương trình “Hóa đơn may mắn”; xây dựng cơ cấu giải thưởng phù hợp, đảm bảo đủ hấp dẫn để khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn; Rà soát các dữ liệu hóa đơn điện tử đủ điều kiện tham dự lựa chọn hóa đơn may mắn; Tổ chức triển khai lựa chọn hóa đơn may mắn quý II-III/2022

Kết quả đến ngày 22/11/2022, 100% Cục Thuế đã tổ chức chương trình “Hóa đơn may mắn” với số lượng giải thưởng đã trao là 2.682 giải và tổng số tiền là 5.878.000.000 VNĐ

Việc triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn” đã tạo hiệu ứng truyền thông, tuyên truyền rộng khắp trong việc khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế.

5. Triển khai “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế”:

Tháng 8/2022, Bộ Tài chính tiếp tục chỉ đạo triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền đối với các cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, kinh doanh vàng, trung tâm thương mại và một số dịch vụ cung cấp trực tiếp đến người tiêu dùng.

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn:

- Các Cục Thuế rà soát, báo cáo số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền;

- Ngành thuế hoàn thiện hệ thống quản lý hóa đơn điện tử đáp ứng yêu cầu triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.

- Yêu cầu các Cục Thuế thành lập Ban chỉ đạo, Tổ triển khai Chương trình “Hóa đơn may mắn” kết hợp với Chương trình triển khai HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.

- Tổ chức công tác tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ cho NNT tập trung vào các quy định của chính sách pháp luật hóa đơn điện tử đối với hóa đơn điện tử có mã Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền (Điều kiện để được áp dụng HĐĐT từ máy tính tiền; Quy định về hình thức HĐĐT từ máy tính tiền; Lợi ích của việc áp dụng HĐĐT từ máy tính tiền).

- Rà soát danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai hóa đơn điện tử có mã Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.

Với việc triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người mua và người bán như:

- Người bán chủ động 24/7 trong việc lập hóa đơn khi có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ, xử lý triệt để vướng mắc trong thời gian qua về độ trễ giữa thời điểm thanh toán và thời điểm lập hóa đơn và người mua có thể nhận hóa đơn điện tử ngay khi thanh toán – tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng có được hóa đơn để tham gia Chương trình “Hóa đơn may mắn”.

- Người bán không phải trang bị thiết bị chuyên dụng và không cần phải tốn chi phí để tích hợp card kết nối với cơ quan thuế.

- Không bắt buộc có chữ ký số.

- Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

- Chủ động 24/7 trong việc xử lý sai, sót phát sinh ngay trên thiết bị của NNT nếu đã được cài đặt phần mềm hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền theo chuẩn của Cơ quan thuế.

- Cuối ngày chỉ phải chuyển dữ liệu HĐĐT đã sử dụng trong ngày cho Cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.

Việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền đã nhận được sự đồng thuận lớn từ cộng đồng doanh nghiệp, người dân.

Tóm lại, việc sử dụng HĐĐT theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc quản lý rủi ro, quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu HĐĐT cho các cơ quan khác của nhà nước, dữ liệu về HĐĐT là nền tảng quan trọng để quản lý thuế

hiệu quả, là động lực cho công cuộc chuyển đổi số của ngành thuế nói riêng và góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và của toàn xã hội nói chung. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng HĐĐT góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy.

II. Vướng mắc phát sinh

Bên cạnh các thành tựu đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng bộc lộ một số vướng mắc cần được sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc lập hóa đơn, thời điểm lập hóa đơn, nội dung hóa đơn, xử lý hóa đơn lập sai nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện.

- Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Hoàn thiện các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng biên lai, chứng từ điện tử.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; trách nhiệm của cán bộ thuế trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định.

- Hoàn thiện quy định về tra cứu, cung cấp sử dụng thông tin HĐĐT.

- Hoàn thiện các biểu mẫu theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ hiểu.

III. Đề xuất sửa đổi

Từ các nội dung vướng mắc, phát sinh nêu trên, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP tập trung sửa đổi, bổ sung 06 nhóm vấn đề sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ điện tử và bổ sung quy định quản lý chứng từ trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược;

- Bổ sung quy định liên quan giải pháp phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và trong quá trình sử dụng HĐĐT, quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về biên lai, chứng từ;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử;

- Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ;

- Sửa đổi các biểu mẫu, thủ tục.

Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ điện tử và bổ sung quy định quản lý chứng từ trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược

1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về giải thích từ ngữ, nguyên tắc lập quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Đề xuất bổ sung Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP các nội dung:

- Giao Bộ Tài chính quy định dài ký tự để xác định mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

- Bổ sung khái niệm “Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền” và “Máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”

- Bổ sung chứng từ do cơ quan thuế quản lý theo quy định tại Nghị định gồm: chứng từ ghi nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP các nội dung:

- Quy định rõ người bán lập hóa đơn trong trường hợp người mua trả lại hàng, người bán chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ;

- Bổ sung quy định cá nhân là người sử dụng lao động khi chi trả thu nhập phải lập chứng từ khấu trừ thuế giao cho người có thu nhập bị khấu trừ; bỏ quy định: tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ trong một kỳ tính thuế; bỏ quy định tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

- Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trả thu nhập, tổ chức có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải thực hiện đăng ký với cơ quan thuế khi sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử, chứng từ ghi nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược.

- Bổ sung quy định cho phép tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ được tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua trong trường hợp cùng thực hiện thu phí, lệ phí và tiền cung cấp dịch vụ của một khách hàng

- Bổ sung quy định doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải lập chứng từ ghi nhận giao dịch phát sinh và phải được theo dõi bằng phần mềm và phải chuyển dữ liệu điện tử đến cơ quan thuế đầy đủ, kịp thời và chậm nhất là cuối mỗi ngày.

- Bổ sung quy định chương trình “Hóa đơn may mắn” do ngành Thuế tổ chức thực hiện từ nguồn ngân sách cấp cho cơ quan quản lý thuế. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thẻ lệ, cơ cấu giải thưởng, chi, mức chi quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí Chương trình hóa đơn may mắn và công tác tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về loại hóa đơn, thời điểm lập hóa đơn, nội dung hóa đơn

Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và minh bạch trong việc sử dụng hóa đơn, đề xuất:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 để quy định nội dung: trường hợp doanh nghiệp trong khu phi thuế quan có hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động chế xuất thì sử dụng hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng tùy theo phương pháp tính thuế mà doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 để quy định:

+ Thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu là không quá 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan; đối với dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thì khi kết thúc việc cung cấp dịch vụ người bán cũng phải lập hóa đơn;

+ Bổ sung quy định lập hóa đơn sau khi có đối soát trong trường hợp cung cấp hàng hóa số lượng lớn, thường xuyên, các hoạt động cũng cần phải có đối soát như chứng khoán, bảo hiểm, xổ số điện toán và giao Bộ Tài chính hướng dẫn đối với các trường hợp khác;

+ Quy định rõ thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh tại các tổ chức tín dụng (như thu lãi vay, bán ngoại tệ...), hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng;

+ Sửa đổi quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô, bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua cho phù hợp với thực tế phát sinh;

+ Bổ quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống, vận tải taxi;

+ Bổ sung quy định lập hóa đơn của cơ sở khám chữa bệnh với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 để quy định:

+ Hệ thống lập hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất trong cùng một ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn và tối đa 8 chữ số.

+ Trên hóa đơn phải thể hiện mã số định danh của người mua;

+ Đối với hoạt động kinh doanh vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến), cự li chuyến đi tính theo km. Hóa đơn bán lẻ xăng dầu phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải.

+ Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được lập theo kỳ nhất định và các dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử dụng bảng kê

+ Trường hợp áp dụng hình thức chiết khấu thương mại thì việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập.

+ Thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để khai thuế đối với người bán là thời điểm lập hóa đơn, thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung.

+ Quy định tỷ giá ghi trên hóa đơn là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi người bán mở tài khoản.

+ Bổ sung quy định rõ về nội dung hóa đơn GTGT kèm tờ khai hoàn thuế đối với CSKD có bán hàng hoàn thuế cho người nước ngoài.

1.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

Để xuất bổ sung các nhóm ngành, nghề áp dụng HĐĐT từ máy tính tiền, quy định rõ nội dung HĐĐT từ máy tính tiền, việc xử lý HĐĐT từ máy tính tiền đã lập có sai sót vào Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng HĐĐT

Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và minh bạch trong việc sử dụng hóa đơn, đề xuất:

- Bổ sung quy định: Đối với doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có ngành nghề quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số

38/2019/QH14, các hoạt động kinh doanh khác không thuộc nhóm ngành nghề nêu trên và doanh nghiệp không thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế cho toàn bộ hoạt động kinh doanh.

- Bổ sung trường hợp được cấp HĐĐT lẻ theo từng lần phát sinh gồm: Hộ kinh doanh sau khi giải thể, phát sản, doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án; DNCX khi có hoạt động thanh lý tài sản.

- Quy định rõ về việc kê khai, nộp thuế cũng như việc xử lý sai sót.

- Bổ sung quy định áp dụng HĐĐT của tổ chức cho thuê tài chính, hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.

1.5. Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý HĐĐT đã lập có sai sót và chuyển dữ liệu hóa đơn giấy mua của cơ quan thuế trong trường hợp hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gấp trực trặc;

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 19, 20 như sau:

- Quy định xử lý trong hai trường hợp HĐĐT đã lập có sai sót đã được người bán, người mua kê khai thuế hoặc chưa kê khai thuế.

- Để hạn chế gian lận và đảm bảo quyền lợi của người mua, dự thảo Nghị định bổ sung quy định trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua, thông báo trên website của đơn vị mình (nếu có).

- Đồng thời, tại dự thảo quy định xử lý HĐĐT đã lập cần phải điều chỉnh do khi quyết toán có sự thay đổi giá trị, trường hợp trả lại hàng bán,...;

- Quy định bổ sung việc chuyển dữ liệu hóa đơn giấy mua của cơ quan thuế trong trường hợp hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gấp trực trặc;

2. Bổ sung quy định liên quan giải pháp phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và trong quá trình sử dụng HĐĐT, quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Đề xuất bổ sung tại Điều 15 các quy định phòng ngừa gian lận từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn với nội dung cơ quan thuế xác định nhân thân người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại CSDL quốc gia về dân cư khi NNT đăng ký sử dụng hóa đơn lần đầu và khi NNT đăng ký thay đổi thông tin HĐĐT.

Cụ thể:

Ở khâu đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử: hệ thống của Tổng cục Thuế sẽ tự động đối chiếu thông tin về nhân thân người đại diện theo pháp luật, nhân thân

của chủ hộ cá nhân tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử (VneID) trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài. Trường hợp kết quả xác thực người đại diện theo pháp luật khớp đúng thì cơ quan thuế sẽ chấp thuận thông báo sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp xác thực không khớp đúng hoặc không có thông tin hoặc thuộc diện rủi ro cao thì người nộp thuế thực hiện giải trình.

Đối với trường hợp thay đổi thông tin HĐĐT, cơ quan thuế giám sát tự động qua Hệ thống VneID nêu trên. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử nhưng không thay đổi thông tin đăng ký thuế, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

Để phòng chống gian lận trong quá trình sử dụng HĐĐT và xuất phát từ thực tiễn, để xuất bổ sung thêm 05 trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT vào Điều 16 (gồm: trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế dấu hiệu doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử; người nộp thuế thuộc trường hợp giám sát trọng điểm về thuế và thuộc danh sách do cơ quan thuế xác định sau khi cơ quan thuế áp dụng các biện pháp giám sát theo quy định pháp luật về quản lý thuế; người nộp thuế có dấu hiệu bất thường khác theo tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế của cơ quan thuế; trường hợp cơ quan thuế chuyển hồ sơ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sang cơ quan công an theo tin báo tội phạm; hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyển đổi sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh; người nộp thuế có văn bản đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử).

Như vậy, sau khi hoàn thiện thì sẽ có 12 trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT. Về thủ tục của cơ quan thuế thì có 5 trường hợp hệ thống của cơ quan thuế sẽ tự động ngừng việc sử dụng HĐĐT của doanh nghiệp; 04 trường hợp cơ quan thuế ban hành thông báo đề nghị người nộp thuế ngừng sử dụng HĐĐT và 03 trường hợp cơ quan thuế đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin liên quan đến việc sử dụng HĐĐT trước khi quyết định ngừng sử dụng HĐĐT hoặc tiếp tục sử dụng HĐĐT.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Đề xuất sửa đổi theo hướng:

- Quy định 1 Điều (Điều 21) quy định trách nhiệm chung của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng HĐĐT mà không cần tách thành 2 Điều riêng phân biệt hai trường hợp sử dụng HĐĐT có mã, không có mã. Nội dung Điều này trên cơ sở quy định hiện hành (Điều 21, 22) và bổ sung làm rõ trường hợp doanh

nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng bình quân 100.000 hóa đơn điện tử trở lên và có hệ thống CNTT đáp ứng thì gửi dữ liệu HĐĐT trực tiếp đến Tổng cục Thuế.

- Bổ sung 1 Điều (Điều 22) quy định trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT đối với người mua dịch vụ và đối với cơ quan thuế.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về biên lai, chứng từ

Để xuất sửa đổi, bổ sung các Điều 30, 31, 32, 33, 34 để quy định các nội dung liên quan biên lai, chứng từ điện tử khấu trừ thuế TNCN; thủ tục hành chính đối với chứng từ khấu trừ thuế TNCN; nội dung chứng từ liên quan hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí đặt cược; bổ sung quy định về xử lý sai sót của chứng từ điện tử đã lập.

Sửa đổi các Điều 35, 36 để quy định các thủ tục tại cơ quan thuế trong quá trình quản lý biên lai, thông báo phát hành biên lai, bán biên lai, quy định việc hủy các bản in, bản kẽm, các sản phẩm in thừa, in thử trước khi thanh lý hợp đồng đặt in biên lai.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Để xuất sửa đổi, bổ sung từ Điều 46 đến Điều 54 để sửa đổi, bổ sung các nội dung:

- Bổ sung cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin hóa đơn điện tử để: phục vụ hoạt động tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm: Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử, trách nhiệm của các bên có liên quan.

- Bãi bỏ Điều 51 về thời hạn cung cấp hóa đơn điện tử.

6. Sửa đổi, bổ sung Biểu Mẫu quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP:

Để xuất sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu sau:

- Sửa Mẫu 01/DKTĐ-HĐĐT: Tờ khai đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.

- Sửa Mẫu 04/SS-HĐĐT: Thông báo HĐĐT đã lập sai

- Sửa Mẫu 01/TH-HĐĐT: Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

- Sửa Mẫu 03/DL-HĐĐT: Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Sửa Mẫu 01/TB-TNĐT: Thông báo về việc tiếp nhận/ không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử>.

- Sửa Mẫu 01/TB-ĐKĐT: Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/ biên lai điện tử.
- Sửa Mẫu 01/ĐKĐT-BL: Tờ khai đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng biên lai.
- Sửa Mẫu 06/ĐN-PSĐT: Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh.
- Sửa Mẫu số 01/TB-KTT: Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và chuyển sang thông qua Công thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.
- Sửa Mẫu BC26/HĐG: Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn
- Sửa Mẫu BC26/BLG: Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí
- Bổ sung Mẫu 01/TB-NSDHĐ: Thông báo NTT ngưng sử dụng HĐĐT.
- Bổ Mẫu BC26/BLĐT: Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí.